



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

# CÔNG BÁO

*Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản*

Tháng 12

Số 49 (31/12/2006)

## MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
<b>ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ</b>		
30-11-2006	- Quyết định số 5488/QĐ-UBND về thành lập Quỹ tái chế chất thải thành phố trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.	3
03-12-2006	- Chỉ thị số 37/2006/CT-UBND về việc triển khai các phương án phòng, chống cơn bão số 9 (bão Durian).	5
04-12-2006	- Quyết định số 173/2006/QĐ-UBND về đổi tên và bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ban Tôn giáo thành Ban Tôn giáo - Dân tộc thành phố Hồ Chí Minh.	7
05-12-2006	- Quyết định số 174/2006/QĐ-UBND về bố trí chức danh và chế độ, chính sách đối với cán bộ phụ trách công tác xóa đói giảm nghèo của quận - huyện, phường - xã, thị trấn.	10

- 
- |            |   |    |
|------------|---|----|
| 05-12-2006 | - Quyết định số 175/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố.   | 12 |
| 05-12-2006 | - Quyết định số 176/2006/QĐ-UBND về bổ sung dự toán chi sự nghiệp y tế năm 2006 để chi phụ cấp ưu đãi theo Quyết định số 276/2005/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ cho Trung tâm Y tế các quận - huyện. | 22 |
| 06-12-2006 | - Quyết định số 177/2006/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố Hồ Chí Minh.   | 24 |
| 08-12-2006 | - Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007.  | 30 |

### **ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

- |            |  |    |
|------------|--|----|
| 30-11-2006 | - Quyết định số 44/2006/QĐ-UBND về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng và sửa chữa năm 2006. | 58 |
|------------|--|----|

**THÀNH PHỐ**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5488/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 11 năm 2006*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về thành lập Quỹ tái chế chất thải thành phố  
trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 8783/TT-TNMT-VP ngày 15 tháng 9 năm 2006 và Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 735/TTr-SNV ngày 22 tháng 11 năm 2006,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay thành lập Quỹ tái chế chất thải thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố.

Quỹ tái chế chất thải là tổ chức tài chính, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, có chức năng hỗ trợ, cho vay vốn để thực hiện các chương trình, đề án, dự án thử nghiệm, nghiên cứu ứng dụng trong lĩnh vực quản lý, tái chế, tái sử dụng chất thải để giảm lượng chất thải vào môi trường; nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên thiên nhiên theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Quỹ tái chế chất thải có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước để hoạt động.

Trụ sở đặt tại số 63 đường Lý Tự Trọng quận 1 thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Bộ máy quản lý điều hành của Quỹ tái chế chất thải gồm có Hội đồng

quản lý, Ban kiểm soát và Ban điều hành. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ viên chức lãnh đạo và tổ chức điều hành Quỹ tái chế chất thải được thực hiện theo phân cấp quản lý tổ chức - cán bộ của thành phố.

Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát và Ban điều hành Quỹ tái chế chất thải có trách nhiệm xây dựng điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; đồng thời bảo đảm thực hiện các yêu cầu quản lý, điều hành tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng theo đúng mục tiêu, hiệu quả kinh tế - xã hội và các quy định có liên quan của Nhà nước và của Ủy ban nhân dân thành phố.

Giám đốc Quỹ tái chế chất thải thành phố Hồ Chí Minh là đại diện pháp nhân, chịu trách nhiệm điều hành và quản lý hoạt động của Quỹ trước Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố có liên quan, Hội đồng quản lý và Giám đốc Quỹ tái chế chất thải thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 37/2006/CT-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 12 năm 2006*

## **CHỈ THỊ**

### **Về việc triển khai các phương án phòng, chống cơn bão số 9 (bão Durian)**

Thực hiện Công điện khẩn số 1979/CĐ-TTg và 1978/CĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ; để chủ động ứng phó kịp thời, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người, tài sản, các công trình kết cấu hạ tầng, cho các hoạt động kinh tế - xã hội... do bão, lũ, triều cường, thiên tai gây ra, Ủy ban nhân dân thành phố chỉ thị các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các quận, huyện:

1. Không được chủ quan, mất cảnh giác. Phải tổ chức chỉ đạo thực hiện ngay phương án khẩn cấp ứng phó với cơn bão số 9; tập trung lực lượng, phương tiện thực hiện các biện pháp cần thiết bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân và Nhà nước. Phối hợp các đoàn thể để tuyên truyền vận động, hướng dẫn nhân dân bình tĩnh, chủ động gia cố, chằng chống nhà cửa, công trình, phòng tránh các sự cố do ảnh hưởng cơn bão gây ra.

2. Ủy ban nhân dân huyện Cần Giờ, xã Thạnh An và các xã ven biển chủ động phối hợp các lực lượng, phương tiện, để thực hiện công tác sơ tán dân đến nơi an toàn như sau: Dân xã đảo Thạnh An về khu vực Dàn Xây, dân xã Long Hòa, dân xã Cần Thạnh vào sâu đất liền cách bờ biển 10km. Tuyệt đối đình chỉ hoạt động các đò ngang ven cửa sông.

3. Ủy ban nhân dân các quận, huyện: Củ Chi, Hóc Môn, 12 phối hợp với Công ty Quản lý Khai thác dịch vụ Thủy lợi theo dõi diễn biến, kịp thời có phương án đảm bảo an toàn cho nhân dân dọc tuyến sông ngay trong đêm nay và các ngày tới khi Hồ Dầu Tiếng bắt đầu xả lũ trên 200m<sup>3</sup>/giây.

4. Các Sở ngành trọng yếu, khẩn cấp triển khai nhanh các nhiệm vụ được giao tại Công văn số 912/UBND-CNN ngày 03 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố. Các chủ đầu tư đang thi công các dự án xây dựng trên địa bàn phải kiểm tra, tăng cường công tác chuẩn bị đối phó với tình huống bão gây thiệt hại công trình và ảnh hưởng đến an toàn xã hội.

5. Các phương tiện truyền thông đại chúng đẩy mạnh công tác thông tin chính xác, kịp thời giúp nhân dân thành phố chủ động ứng phó cơn bão.

Yêu cầu Thủ trưởng các Sở, ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai ngay các phương án, biện pháp phòng, chống cơn bão số 9, nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những thiệt hại khi có bão xảy ra./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Trung Tín**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 173/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 12 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về đổi tên và bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ban Tôn giáo  
thành Ban Tôn giáo - Dân tộc thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ quy định về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 171/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 9 năm 2004 của Chính phủ về quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 22/2004/NĐ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Nghị định số 53/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2004 của Chính phủ về kiện toàn tổ chức bộ máy làm công tác dân tộc thuộc Ủy ban nhân dân các cấp;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 672/TTr-SNV ngày 30 tháng 10 năm 2006,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay đổi tên và bổ sung chức năng, nhiệm vụ của Ban Tôn giáo thành Ban Tôn giáo - Dân tộc thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Tôn giáo - Dân tộc thành phố là cơ quan chuyên môn, giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về lĩnh vực công tác tôn giáo và dân tộc (trừ dân tộc Hoa do Ban Công tác người Hoa phụ trách) trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

Ban Tôn giáo - Dân tộc thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước.

## **Điều 2. Ban Tôn giáo - Dân tộc thành phố Hồ Chí Minh có nhiệm vụ và quyền hạn**

1. Nghiên cứu đề xuất và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch hàng năm và dài hạn, các dự án quan trọng thuộc lĩnh vực tôn giáo và dân tộc của thành phố; chịu trách nhiệm tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các kế hoạch, các chương trình sau khi được phê duyệt ban hành.

2. Làm đầu mối quan hệ giữa các cơ quan và các cấp ở thành phố với các tổ chức tôn giáo và dân tộc, kể cả hoạt động đối ngoại có liên quan đến công tác tôn giáo và dân tộc. Chủ trì phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể quần chúng, các Sở - ban - ngành của thành phố có liên quan nhằm vận động thực hiện các chủ trương chính sách tôn giáo và dân tộc của Đảng và Nhà nước về bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho các dân tộc, bảo đảm sự bình đẳng giữa các tôn giáo và dân tộc trước pháp luật.

3. Hướng dẫn, hỗ trợ và kiểm tra việc thực hiện các chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đối với các tổ chức tôn giáo và dân tộc, các cấp, các ngành và công dân trên địa bàn thành phố. Nắm bắt tình hình và giải quyết kịp thời những vấn đề liên quan đến lĩnh vực tôn giáo và dân tộc của thành phố.

4. Thực hiện công tác khen thưởng theo thẩm quyền và đề xuất với cấp thẩm quyền khen thưởng và áp dụng chính sách đãi ngộ đối với cá nhân, các tổ chức tôn giáo và dân tộc.

5. Quản lý về tổ chức bộ máy, biên chế; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người làm công tác tôn giáo và dân tộc của thành phố; chỉ đạo thực hiện chế độ tiền lương và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật với cán bộ, công chức, viên chức Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Ban.

6. Quản lý tài chính, tài sản được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo quy định của pháp luật.

## **Điều 3. Cơ cấu tổ chức của Ban Tôn giáo - Dân tộc thành phố Hồ Chí Minh**

1. Ban Tôn giáo - Dân tộc thành phố do một Trưởng Ban phụ trách; giúp việc cho Trưởng Ban có một số Phó Trưởng Ban. Trưởng và Phó Trưởng Ban do Chủ tịch



Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm.

Trưởng Ban Tôn giáo - Dân tộc là người đứng đầu Ban, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ các hoạt động của Ban Tôn giáo - Dân tộc.

2. Các tổ chức giúp Trưởng Ban thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn quản lý Nhà nước gồm:

- Văn phòng;
- Thanh tra;
- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ.

3. Các đơn vị sự nghiệp: Tùy theo yêu cầu, nhiệm vụ, Trưởng Ban Tôn giáo - Dân tộc xem xét đề xuất thành lập đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ban, thông qua Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định.

**Điều 4.** Giao Trưởng Ban Tôn giáo - Dân tộc thành phố có trách nhiệm xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tôn giáo - Dân tộc thành phố thông qua Sở Nội vụ thẩm định và trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành.

**Điều 5.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký. Bãi bỏ các quy định trước đây của Ủy ban nhân dân thành phố trái với Quyết định này.

**Điều 6.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Trưởng Ban Tôn giáo - Dân tộc, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 174/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về bố trí chức danh và chế độ, chính sách đối với cán bộ phụ trách  
công tác xóa đói giảm nghèo của quận - huyện, phường - xã, thị trấn**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 143/2001/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia Xóa đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 - 2005 và Công văn số 2685/VP-CP-QHQQT ngày 21 tháng 5 năm 2002 của Chính phủ về chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo đến năm 2010;

Thực hiện Chương trình mục tiêu xóa đói giảm nghèo của thành phố giai đoạn 2004 - 2010;

Xét đề nghị của Thường trực Ban chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo và việc làm thành phố tại Tờ trình số 05/TTr-XĐGNVL ngày 22 tháng 6 năm 2006 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 656/TTr-SNV ngày 25 tháng 10 năm 2006,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép mỗi quận - huyện bố trí một Phó ban chuyên trách công tác xóa đói giảm nghèo ở quận - huyện. Biên chế Phó ban chuyên trách xóa đói giảm nghèo quận - huyện được bố trí trong tổng số biên chế được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận - huyện hàng năm.

Tùy theo tình hình và nhu cầu của phường - xã, thị trấn, cho phép Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường - xã, thị trấn bố trí thêm một chức danh cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (cán bộ không chuyên trách) phụ trách công tác xóa đói giảm

nghèo của phường - xã, thị trấn. Cán bộ được bố trí thêm nằm trong số cán bộ không chuyên trách phường - xã, thị trấn được Ủy ban nhân dân thành phố cho phép.

**Điều 2.** Chế độ, chính sách và nguồn kinh phí chi lương và phụ cấp cho cán bộ phụ trách công tác xóa đói giảm nghèo quận - huyện, phường - xã, thị trấn thực hiện như sau:

1. Đối với Phó ban chuyên trách xóa đói giảm nghèo quận - huyện: hưởng lương và các chế độ, chính sách theo quy định đối với công chức Nhà nước.

2. Đối với cán bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phụ trách công tác xóa đói giảm nghèo phường - xã, thị trấn: hưởng chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (kể cả chế độ khuyến khích đối với người có trình độ đại học) như đối với cán bộ không chuyên trách ở phường - xã, thị trấn.

3. Nguồn kinh phí chi lương, chế độ phụ cấp và các chế độ khác được chi từ nguồn ngân sách thành phố.

Thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2007.

**Điều 3.** Giao Giám đốc Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (Thường trực Ban chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo và việc làm thành phố) hướng dẫn triển khai thực hiện Quyết định này.

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Tài chính, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường - xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 175/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý  
đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003 ;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật Đất đai ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 93/2001/NĐ-CP, ngày 12 tháng 12 năm 2001 của Chính phủ về phân cấp quản lý một số lĩnh vực cho thành phố Hồ Chí Minh và Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 3982/QĐ-UB, ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố về thành lập Ban Quản lý đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố, trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố tại Công văn số 44/BQL, ngày 25 tháng 5 năm 2006 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 330/TTr-SNV, ngày 13 tháng 6 năm 2006,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các Sở - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân

---

dân huyện Củ Chi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và Trưởng Ban Quản lý đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **QUY CHẾ**

**Tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý  
đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 175/2006/QĐ-UBND  
ngày 05 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Vị trí, chức năng**

1. Ban Quản lý đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc thành phố (gọi tắt là Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố) là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, được thành lập theo Quyết định số 3982/QĐ-UB ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về đầu tư - xây dựng tại Khu đô thị Tây Bắc thành phố theo đúng quy hoạch, kế hoạch đã được phê duyệt và theo quy định của pháp luật; đồng thời được Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền quản lý Nhà nước một số mặt về đầu tư xây dựng trên địa bàn Khu đô thị Tây Bắc thành phố.

2. Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố chịu sự chỉ đạo và quản lý về tổ chức, biên chế, chương trình kế hoạch công tác của Ủy ban nhân dân thành phố.

3. Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động từ ngân sách, được mở tài khoản tại Ngân hàng và Kho bạc Nhà nước thành phố để hoạt động theo quy định pháp luật.

**Điều 2.** Tên giao dịch đối ngoại của Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố là:

**HỒ CHÍ MINH CITY**

**NORTH-WEST METROPOLITAN AREA AUTHORITY**

**(Viết tắt: NORTH-WEST AUTHORITY CITY).**

Trụ sở tạm thời đặt tại số 86 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

## **Chương II**

### **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

#### **Điều 3. Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố có nhiệm vụ, quyền hạn**

##### **1. Về lĩnh vực quản lý quy hoạch, kiến trúc và xây dựng:**

a) Tổ chức lập quy hoạch chi tiết trong phạm vi Khu đô thị Tây Bắc, trình cấp có thẩm quyền và Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

b) Căn cứ quy hoạch chi tiết 1/5000, 1/2000 được cấp có thẩm quyền và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc tổ chức hướng dẫn, thẩm định và phê duyệt các đồ án quy hoạch chi tiết 1/1000, 1/500, 1/200 và các khu chức năng theo quy hoạch được duyệt.

c) Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc có nhiệm vụ theo dõi, triển khai việc thực hiện quy hoạch và đề xuất cấp có thẩm quyền các yêu cầu điều chỉnh quy hoạch chi tiết phù hợp với quy định, quy trình và thực tế áp dụng; ban hành trình tự, thủ tục và quy trình tiến hành cho từng loại công việc này.

d) Thiết lập quy trình thực hiện phê duyệt phù hợp với yêu cầu, đặc điểm của các loại đồ án. Trong quá trình thực hiện, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc được mời đơn vị tư vấn trong và ngoài nước (có pháp nhân và chức năng hành nghề phù hợp với yêu cầu của từng loại đồ án) tham gia nghiên cứu góp ý theo hình thức họp đồng tư vấn, thẩm định, giám định để tiến hành chọn lựa giải pháp tối ưu, xử lý đánh giá chất lượng công việc theo trình tự thủ tục nội dung quy định của pháp luật.

đ) Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc được thành lập Hội đồng tư vấn để tham mưu góp ý cho việc đánh giá kết quả nghiên cứu của các đồ án quy hoạch chi tiết thiết kế công trình theo quy chế riêng và phối hợp với Hội đồng kiến trúc quy hoạch thành phố thực hiện nhiệm vụ chuyên môn theo chức năng phân công.

e) Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc có trách nhiệm phối hợp với Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn tổ chức công bố các nội dung quy hoạch chi tiết và quy định về quản lý đồ án quy hoạch đã được duyệt.

g) Xây dựng và quản lý hệ thống tài liệu, số liệu, bản đồ mạng lưới, mốc cao độ, các tài liệu phục vụ việc quản lý, ban hành quy chế về chế độ cung cấp cho các yêu cầu của chủ đầu tư như các thông tin về: địa điểm xây dựng, chỉ giới, cốt nền, địa chất công trình, khoáng sản.

h) Xây dựng và cung cấp chứng chỉ quy hoạch, phục vụ yêu cầu thỏa thuận địa điểm trong quy trình chuẩn bị đầu tư.

i) Tổ chức xây dựng hệ thống quy định về quản lý tổ chức cảnh quan kiến trúc, định hướng cho quá trình triển khai quy hoạch, các quy định chi tiết đối với các khu vực chức năng và công trình kiến trúc của Khu đô thị Tây Bắc.

k) Tổ chức lập và trình duyệt Điều lệ quản lý quy hoạch - đầu tư - xây dựng Khu đô thị, phối hợp cùng chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan thực hiện xử lý vi phạm theo pháp luật; đề xuất các biện pháp chế tài cần thiết nhằm đảm bảo yêu cầu triển khai xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng, các công trình thực hiện theo giấy phép đầu tư đúng quy hoạch và đúng tiến độ quy định.

l) Tổ chức triển khai thực hiện việc phối hợp quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định.

## **2. Về lĩnh vực quản lý đầu tư và xây dựng:**

a) Tiến hành xây dựng cơ chế chính sách, hỗ trợ đầu tư vào Khu đô thị Tây Bắc, ưu tiên cho các loại công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình công cộng quan trọng, trình cấp có thẩm quyền quyết định để triển khai thực hiện.

b) Xây dựng các phương án thu hút các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước bằng nhiều hình thức phù hợp với quy định pháp luật; nghiên cứu các dự án đầu tư trọng điểm và tổ chức thực hiện đầu tư theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố; thực hiện ủy nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố, tiến hành đàm phán về các khoản vay và viện trợ cho các dự án phát triển cơ sở hạ tầng công cộng của Khu đô thị.

c) Đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố tiếp nhận, lựa chọn chủ đầu tư cho các dự án trong Khu đô thị; hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và tổ chức thẩm định các dự án đầu tư trình các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt hoặc cấp phép đầu tư theo quy định hiện hành; theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư sau khi đã được phê duyệt hoặc đã được cấp giấy phép đầu tư.

d) Đối với các dự án có liên quan hoặc gắn kết với các công trình hạ tầng kỹ thuật do thành phố trực tiếp quản lý, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố phải lấy ý kiến của các Sở, ngành trước khi quyết định đầu tư. Thủ trưởng các Sở, ngành có trách nhiệm cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan khi có yêu cầu của Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc.

Thẩm định thiết kế cơ sở, đối với các dự án phân cấp cho Ban Quản lý Khu đô



thị Tây Bắc thành phố quyết định đầu tư.

đ) Được cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định của pháp luật.

e) Kiểm tra, thanh tra việc thực hiện giấy phép đầu tư.

g) Thực hiện việc cấp phép xây dựng và quản lý xây dựng theo giấy phép trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

h) Tổ chức lập và trình duyệt quy chế quản lý đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc; tổ chức thực hiện, kiểm tra và phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan liên quan xử lý vi phạm theo pháp luật; đề xuất biện pháp chế tài cần thiết nhằm đảm bảo yêu cầu triển khai xây dựng các dự án theo quy hoạch và tiến độ quy định.

### **3. Về lĩnh vực quản lý đất đai:**

a) Là đầu mối phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện quản lý đất đai trong khu vực theo quy định; tiến hành điều tra, khảo sát, đo đạc, lập bản đồ địa chính và lập kế hoạch sử dụng đất theo quy hoạch và theo phân cấp.

b) Là đầu mối tiếp nhận và xem xét hồ sơ giao đất, cho thuê đất trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định và là đầu mối tiếp nhận hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và xem xét nếu đủ điều kiện thì chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

c) Tổ chức, phối hợp giám sát và xử lý việc sử dụng đất trong quá trình thực hiện dự án đầu tư. Kiến nghị cấp có thẩm quyền thu hồi quyền sử dụng đất, thuê đất đối với các dự án chậm triển khai đầu tư hoặc triển khai không đúng mục đích đầu tư.

d) Căn cứ quy định hiện hành có liên quan, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc thành phố chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn và các Sở - ngành liên quan xây dựng chính sách bồi thường, giải phóng mặt bằng, bố trí tạm cư, tái định cư theo quy định pháp luật.

### **4. Về lĩnh vực quản lý khai thác hạ tầng và môi trường:**

a) Tổ chức quản lý thống nhất các hoạt động đầu tư và xây dựng của các dự án triển khai trên địa bàn.

b) Tổ chức điều tra và lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, làm cơ sở triển khai các quy chế quản lý cụ thể.

c) Tổ chức lập và ban hành quy chế quản lý, khai thác hạ tầng kỹ thuật trong Khu đô thị Tây Bắc.

d) Thực hiện lưu trữ hồ sơ thiết kế kỹ thuật và hồ sơ hoàn công công trình theo quy định.

đ) Phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan thực hiện công tác đặt tên đường, số nhà theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố.

e) Lập biên bản vi phạm hành chính các trường hợp vi phạm về bảo vệ môi trường khu vực và chuyển giao hồ sơ về Sở Tài nguyên và Môi trường xử phạt theo thẩm quyền. Trường hợp vi phạm thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố, Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc phối hợp với Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường xác lập hồ sơ vi phạm. Sở Tài nguyên và Môi trường tham mưu trình Ủy ban nhân dân thành phố xử lý.

### **5. Về tổ chức thực hiện quy chế đấu thầu xây dựng:**

a) Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ủy quyền quản lý Nhà nước việc thực hiện các quy định về công tác đấu thầu xây dựng.

b) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, hồ sơ mời thầu, tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ mời thầu, duyệt giá thầu, duyệt danh sách các nhà thầu được mời, tham gia đấu thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

### **6. Về các lĩnh vực khác:**

a) Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc có trách nhiệm thực hiện thanh quyết toán thu, chi kết thúc năm tài chính và lập dự toán năm sau gửi Sở Tài chính xem xét, phê duyệt.

b) Xây dựng kế hoạch phát triển của Khu đô thị.

c) Lập yêu cầu đối với các dự án đầu tư.

d) Kết nối kế hoạch, tiến độ xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài hàng rào với tiến độ xây dựng dự án Khu đô thị.

đ) Làm đầu mối tiếp nhận và tổ chức thẩm định dự án trong Khu đô thị trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định đầu tư hoặc cho phép đầu tư.

e) Là đầu mối kết nối giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến dự án trong Khu đô thị với cơ quan hành chính địa phương.

g) Phối hợp với các cơ quan chức năng có liên quan, thực hiện quản lý Nhà nước về lao động thông qua việc kiểm tra, thanh tra các đối tượng và tổ chức thực hiện các

quy định có liên quan của Nhà nước về hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, an toàn lao động và tiền lương.

h) Quản lý hoạt động dịch vụ trong Khu đô thị Tây Bắc thành phố.

i) Phối hợp với Chính quyền địa phương trong việc đảm bảo an ninh, chính trị, quản lý hành chính, trật tự, an toàn trong khu vực quản lý.

### **Chương III** **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC**

#### **Điều 4. Tổ chức bộ máy của Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc**

Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc gồm có Trưởng Ban, một số Phó Trưởng Ban và bộ máy giúp việc.

#### **Điều 5. Chế độ làm việc giữa Trưởng Ban và Phó Trưởng Ban**

1. Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Các Phó Trưởng Ban do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc.

3. Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc hoạt động theo chế độ thủ trưởng, Trưởng Ban là người lãnh đạo quản lý và điều hành mọi hoạt động của Ban, chịu trách nhiệm trực tiếp với Ủy ban nhân dân thành phố.

Các Phó Trưởng Ban có trách nhiệm giúp việc Trưởng Ban thực hiện một số mặt công tác, chịu trách nhiệm trước Trưởng Ban và cấp trên về kết quả thực hiện những nội dung công việc được phân công. Những trường hợp Trưởng Ban ủy nhiệm cho các Phó Trưởng Ban giải quyết công việc thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của Trưởng Ban thì người được ủy nhiệm phải chịu trách nhiệm với Trưởng Ban về những ý kiến và quyết định của mình.

**Điều 6.** Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được phân công và ủy quyền, Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc sắp xếp bộ máy, sau khi có thỏa thuận thống nhất của Sở Nội vụ nhằm đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

Căn cứ tình hình thực tế và yêu cầu công tác, Trưởng Ban quản lý có trách nhiệm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố quyết định thành lập các loại hình tổ chức trực thuộc; các đơn vị sự nghiệp, các Trung tâm dịch vụ; các đơn vị khai thác cơ sở hạ tầng trong quá trình triển khai đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc.

## **Chương IV**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 7. Đối với Ủy ban nhân dân thành phố**

1. Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc có nhiệm vụ báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình, kết quả hoạt động của Ban; dự đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập; thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định và chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các lĩnh vực mà Ban Quản lý được phân công.

2. Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo những vấn đề vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban, đối với những vấn đề liên quan đến các mặt công tác của Ban, mà các Sở - ngành và Ủy ban nhân dân quận - huyện liên quan chưa có sự nhất trí thì phải báo cáo đầy đủ các ý kiến đóng góp và đề xuất, kiến nghị để Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

#### **Điều 8. Đối với các Sở - ngành thành phố**

1. Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc có trách nhiệm hỗ trợ, hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan quản lý Nhà nước theo chức năng và thẩm quyền hoạt động tại Khu đô thị Tây Bắc thành phố.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố có trách nhiệm hướng dẫn về chuyên môn nghiệp vụ, phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc hoàn thành nhiệm vụ.

#### **Điều 9. Đối với Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn**

1. Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và huyện Hóc Môn thực hiện chức năng quản lý hành chính Nhà nước địa phương, có trách nhiệm phối hợp hỗ trợ Ban Quản lý động viên nguồn lực tại chỗ tham gia đầu tư - xây dựng Khu đô thị Tây Bắc; thực hiện chủ trương kế hoạch di dời, tái định cư theo quy hoạch và chế độ, chính sách hiện hành, tổ chức lực lượng kiểm tra, phát hiện và xử lý các vi phạm liên quan đến quản lý, đầu tư xây dựng trên địa bàn.

2. Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc có trách nhiệm phối hợp và thông báo với Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi và huyện Hóc Môn về các lĩnh vực quy hoạch, kế hoạch đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng các khu dân cư, các cơ sở kinh tế thiết yếu liên quan đến đời sống của nhân dân địa phương.

**Điều 10. Đối với các nhà đầu tư**

1. Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc có trách nhiệm tạo điều kiện và môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư, công bố công khai quy hoạch, các chế độ chính sách, hồ sơ thủ tục hành chính, chế độ thu phí, lệ phí có liên quan theo quy định của pháp luật.

2. Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc có trách nhiệm hướng dẫn, giám sát, kiểm tra và xử lý vi phạm (nếu có) theo thẩm quyền, kiến nghị các cơ quan chức năng xử lý vi phạm khi vượt quá thẩm quyền của Ban.

**Chương V****ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11.** Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc có trách nhiệm phối hợp với Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hóc Môn có kế hoạch và biện pháp phối hợp chặt chẽ, đồng bộ thực hiện đúng các quy định của Quy chế này.

**Điều 12.** Căn cứ Quy chế này, Trưởng Ban Quản lý có trách nhiệm cụ thể hóa thành Quy chế làm việc của các Phòng, Ban trực thuộc; bố trí cán bộ, công chức phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ, bảo đảm phát huy tốt hiệu lực và hiệu quả quản lý Nhà nước của Ban quản lý đã được giao.

**Điều 13.** Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết Trưởng Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét quyết định sửa đổi, bổ sung các điều khoản trong Quy chế này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Lê Hoàng Quân**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 176/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về bổ sung dự toán chi sự nghiệp y tế năm 2006 để chi phụ cấp ưu đãi theo  
Quyết định số 276/2005/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2005  
của Thủ tướng Chính phủ cho Trung tâm Y tế các quận - huyện**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 276/2005/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề đối với cán bộ, viên chức tại các cơ sở y tế của Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4060/2005/QĐ-BTC ngày 10 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2006;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2005/NQ-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2005 của Hội đồng nhân dân thành phố về tình hình thực hiện ngân sách thành phố năm 2005, dự toán thu - chi ngân sách thành phố năm 2006;

Theo Quyết định số 210/2005/QĐ-UBND ngày 09 tháng 12 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2006;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 10216/TC-QHPX ngày 15 tháng 11 năm 2006 về bổ sung dự toán chi sự nghiệp y tế năm 2006 để chi phụ cấp ưu đãi theo Quyết định số 276/2005/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ cho Trung tâm Y tế các quận - huyện,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung dự toán chi sự nghiệp y tế năm 2006 để chi phụ cấp ưu đãi theo

Quyết định số 276/2005/QĐ-TTg ngày 01 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ cho Trung tâm Y tế các quận - huyện với số tiền là: 11.320 triệu đồng (Mười một tỷ ba trăm hai mươi triệu đồng chẵn).

**Điều 2.** Sau khi nhận được chỉ tiêu về điều chỉnh bổ sung dự toán chi năm 2006, Ủy ban nhân dân các quận - huyện thực hiện phân bổ chỉ tiêu ngân sách được giao cho đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc để thực hiện nhiệm vụ theo đúng chỉ tiêu được giao. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố trong việc đảm bảo thực hiện chỉ tiêu được giao.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 177/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 12 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động  
của Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố Hồ Chí Minh**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 63/2006/QĐ-UBND ngày 28 tháng 4 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố về chuyển Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh thành “Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố Hồ Chí Minh” trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố;

Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh tại Công văn số 34/VPKHXXH-NV ngày 07 tháng 6 năm 2006 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 353/TTr-SNV ngày 29 tháng 6 năm 2006,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 2009/QĐ-UB ngày 13 tháng 5 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn thành phố Hồ Chí Minh.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc các Sở - ngành có liên quan và Viện trưởng



Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ  
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA  
VIỆN NGHIÊN CỨU XÃ HỘI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
*(Kèm theo Quyết định số 177/2006/QĐ-UBND  
ngày 06 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**Chương I  
ĐIỀU KHOẢN CHUNG**

**Điều 1.** Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố Hồ Chí Minh là đơn vị sự nghiệp nghiên cứu khoa học trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố. Viện đặt dưới sự lãnh đạo của Thành ủy và chịu sự quản lý trực tiếp, toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố.

**Điều 2.** Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động và được mở tài khoản ở Kho bạc Nhà nước thành phố.

**Điều 3.** Trụ sở của Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố đặt tại số 149 đường Pasteur, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Điện thoại: 8.296.558 - Fax: 8.204.220.

**Chương II  
NHIỆM VỤ**

**Điều 4. Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố có nhiệm vụ**

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố về chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn dài hạn, 5 năm, hàng năm của Viện và tổ chức thực hiện khi được phê duyệt.

2. Tham mưu cho Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố về những vấn đề thuộc lĩnh vực khoa học xã hội, chính sách phát triển kinh tế - xã hội và quản lý xã hội của thành phố.

3. Tham gia xây dựng phương hướng và chương trình nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn hàng năm và 5 năm của thành phố.

4. Tham gia quản lý hệ thống đề tài khoa học thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn của thành phố. Tổ chức xét duyệt, phân bổ kinh phí, theo dõi quá trình thực hiện, tổ chức nghiệm thu, đề xuất phương hướng sử dụng kết quả nghiên cứu các đề tài khoa học xã hội được giao cho Viện quản lý và thực hiện.

5. Tham gia thẩm định về các khía cạnh xã hội của các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân thành phố và các Sở - ngành, địa phương và doanh nghiệp.

6. Tổ chức thông tin khoa học xã hội, góp phần phổ biến tri thức khoa học, nâng cao trình độ dân trí. Tổ chức tư vấn và thực hiện dịch vụ lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn theo quy định của pháp luật.

7. Hợp tác nghiên cứu và đào tạo về khoa học xã hội với các địa phương, các tổ chức khoa học trong và ngoài nước thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn theo quy định của Nhà nước.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC BỘ MÁY**

**Điều 5.** Viện có một Viện trưởng phụ trách và một số Phó Viện trưởng giúp việc Viện trưởng. Viện trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm. Phó Viện trưởng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố bổ nhiệm theo đề nghị của Viện trưởng.

#### **Điều 6. Trách nhiệm và quyền hạn của Viện trưởng, Phó Viện trưởng**

1. Viện trưởng chịu trách nhiệm trước Thành ủy, Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về mọi hoạt động của Viện.

2. Các Phó Viện trưởng giúp Viện trưởng chỉ đạo, điều hành một số mặt công tác của Viện theo sự phân công của Viện trưởng.

3. Sau khi bàn bạc thống nhất trong tập thể lãnh đạo Viện, Viện trưởng quyết định thành lập các Phòng, Ban và quy định chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ làm việc của các Phòng, Ban thuộc Viện theo đúng quy định của Nhà nước.

4. Viện trưởng ký quyết định đề bạt, bổ nhiệm, bãi nhiệm các Trưởng, Phó

Phòng, Ban theo quy định chung về phân cấp quản lý cán bộ của Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố, các quyết định đều được thông báo đến Sở Nội vụ thành phố. Riêng Trưởng Phòng Tổ chức cần có ý kiến trao đổi thỏa thuận với Giám đốc Sở Nội vụ thành phố trước khi ra quyết định.

5. Viện trưởng ký quyết định thành lập Hội đồng Khoa học của Viện với chức năng tư vấn cho Viện trưởng trong các nhiệm vụ chuyên môn của Viện.

### **Điều 7. Cơ cấu tổ chức của Viện gồm có**

1. Các Phòng

a) Văn phòng;

b) Phòng Quản lý khoa học và Hợp tác quốc tế.

2. Các Ban nghiên cứu khoa học

a) Ban Triết học và Khoa học chính trị;

b) Ban Tâm lý học và Giáo dục học;

c) Ban Khoa học lịch sử;

d) Ban Xã hội học;

đ) Ban Nghiên cứu Văn hóa;

e) Ban Nghiên cứu quan hệ quốc tế;

g) Thư viện.

3. Các tổ chức sự nghiệp khác:

Tạp chí.

Tùy theo yêu cầu nhiệm vụ, Viện trưởng quyết định chia tách, sáp nhập, giải thể hoặc thành lập các Phòng, Ban chuyên môn trực thuộc Viện sau khi có ý kiến của Sở Nội vụ thành phố.

**Điều 8.** Biên chế và quỹ tiền lương của Viện được Ủy ban nhân dân thành phố giao chỉ tiêu hàng năm.

Biên chế các Phòng, Ban thuộc Viện do Viện trưởng quyết định trong tổng số biên chế được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

**Điều 9.** Việc quản lý, giải quyết chế độ chính sách của công chức, viên chức thuộc Viện thực hiện theo Bộ luật Lao động, Pháp lệnh Cán bộ Công chức và các quy định của Nhà nước có liên quan.

## **Chương IV**

### **MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC**

#### **Điều 10. Quan hệ công tác**

1. Viện chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy về phương hướng, nội dung hoạt động nghiên cứu khoa học; đồng thời chịu sự chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân thành phố về các mặt hoạt động của Viện.

2. Viện phối hợp và hợp tác với các đơn vị trong khối Tư tưởng - Văn hóa của Thành ủy và khối Văn xã của Ủy ban nhân dân thành phố trong các lĩnh vực hoạt động chuyên môn của Viện.

3. Viện phối hợp với Hội đồng Khoa học Xã hội thành phố để thực hiện các nhiệm vụ về khoa học xã hội; tập hợp đội ngũ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn trên địa bàn thành phố.

4. Viện được quan hệ, phối hợp với các Viện, Trường, tổ chức nghiên cứu về khoa học xã hội của Trung ương trong lĩnh vực hoạt động chuyên môn của Viện.

## **Chương V**

### **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

**Điều 11.** Viện trưởng Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm triển khai, cụ thể hóa các điều khoản của Quy chế này để thực hiện.

**Điều 12.** Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện cho phù hợp với tình hình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Viện trưởng Viện Nghiên cứu Xã hội thành phố./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Tài**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 178/2006/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 12 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về giao chỉ tiêu dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 1506/2006/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách Nhà nước năm 2007;

Căn cứ Quyết định số 3771/2006/QĐ-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2007;

Căn cứ Nghị quyết số 60/2006/NQ-HĐ ngày 07 tháng 12 năm 2006 của Hội đồng nhân dân thành phố Khóa VII, tại kỳ họp thứ 9 về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2007;

Xét Tờ trình số 11152/STC-NS ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Giám đốc Sở Tài chính về dự toán thu chi ngân sách thành phố năm 2007,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao cho cơ quan thu, các Sở, cơ quan ngang Sở và Ủy ban nhân dân các quận - huyện chỉ tiêu về dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007 ban hành kèm theo Quyết định này, như sau:

1.1. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn: 77.959,500 tỷ đồng.

Trong đó:

- Thu ngân sách Nhà nước phần nội địa:

+ Chỉ tiêu pháp lệnh: 41.069,500 tỷ đồng;

+ Chỉ tiêu phấn đấu: tăng tối thiểu 5% so với chỉ tiêu pháp lệnh (không tính

nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết).

- Thu từ dầu thô: 6.090 tỷ đồng.

- Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu: 30.800 tỷ đồng.

1.2. Thu xổ số kiến thiết quản lý qua ngân sách Nhà nước: 455 tỷ đồng.

1.3. Tổng chi ngân sách địa phương: 15.710,902 tỷ đồng.

Trong đó: chi thường xuyên 8.200 tỷ đồng.

1.4. Giao nguồn thu và nhiệm vụ chi cho từng cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

1.5. Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa các cấp ngân sách địa phương.

1.6. Số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách từng quận - huyện.

(Các phụ lục đính kèm)

**Điều 2.** Sau khi nhận được chỉ tiêu về dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007:

2.1. Các cơ quan Nhà nước, đơn vị dự toán cấp I khi tiến hành phân bổ và giao dự toán chi cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc phải khớp đúng dự toán được Ủy ban nhân dân thành phố giao cả về tổng mức và chi tiết theo từng lĩnh vực chi, phân bổ dự toán chi phải đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, đúng thủ tục theo quy định của pháp luật.

2.2. Ủy ban nhân dân quận - huyện trình Hội đồng nhân dân quận - huyện quyết định dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân bổ dự toán ngân sách cấp mình trước ngày 20 tháng 12 năm 2006; sau đó, căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận - huyện, giao nhiệm vụ thu - chi ngân sách cho từng cơ quan, đơn vị trực thuộc, mức bổ sung từ ngân sách quận - huyện cho từng phường - xã - thị trấn; triển khai chi tiết các khoản thu phân chia và nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách quận - huyện, phường - xã - thị trấn. Chậm nhất 05 ngày sau khi dự toán ngân sách quận - huyện được Hội đồng nhân dân quận - huyện quyết định, Ủy ban nhân dân quận - huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Tài chính kết quả quyết định và giao dự toán ngân sách năm 2007.

2.3. Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn căn cứ Quyết định của Ủy ban nhân dân quận - huyện về giao dự toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2007, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân

bổ dự toán ngân sách cấp mình trước ngày 30 tháng 12 năm 2006.

2.4. Các cơ quan Nhà nước, đơn vị dự toán cấp I, các cấp chính quyền quận - huyện, phường - xã - thị trấn phải thực hiện công tác phân bổ, giao dự toán ngân sách theo đúng các nguyên tắc, nội dung do Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước quy định; đảm bảo đến ngày 01 tháng 01 năm 2007, đơn vị sử dụng ngân sách và Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch nhận được dự toán ngân sách của đơn vị sử dụng ngân sách.

Cơ quan tài chính có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền điều chỉnh giảm dự toán chi của đơn vị để chuyển cho cơ quan, đơn vị khác hoặc bổ sung dự phòng theo quy định của Chính phủ trong trường hợp sau ngày 31 tháng 12 năm 2006, đơn vị dự toán cấp I phân bổ chưa hết dự toán được giao, trừ các nhiệm vụ mà tại thời điểm phân bổ, giao dự toán chưa xác định rõ đơn vị thực hiện song đơn vị dự toán cấp I phải báo cáo và được cơ quan tài chính cùng cấp chấp nhận cho phân bổ chậm, thời gian chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2007.

2.5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quận - huyện, phường - xã - thị trấn, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố trong việc đảm bảo thực hiện đúng chỉ tiêu được giao.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng cơ quan ngang Sở và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thị Hồng**



**CHI TIẾT CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA**

**Giữa ngân sách thành phố, ngân sách quận - huyện  
và ngân sách phường - xã - thị trấn thời kỳ ổn định  
ngân sách thứ hai (2007 - 2010)**

*Đối với phần ngân sách địa phương được phân chia theo*

**Điều 32, Điều 33 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2002**

(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND

ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. Các khoản thu ngân sách cấp quận - huyện hưởng 100%**

1. Thuế môn bài, trừ thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;
2. Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động dầu khí);
3. Các khoản thu phí, lệ phí, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp quận - huyện tổ chức thu, (không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ nhà đất);
4. Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do quận - huyện quản lý (bao gồm cả chênh lệch thu, chi của doanh nghiệp công ích);
5. Thu khác từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu;
6. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho quận - huyện theo quy định của pháp luật;
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách quận - huyện;
8. Đóng góp của các tổ chức, cá nhân để đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định của Chính phủ;
9. Các khoản thu vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định xử phạt;
10. Các khoản thu khác của ngân sách quận - huyện theo quy định của pháp luật;
11. Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách quận - huyện năm trước sang ngân sách quận - huyện năm sau;

12. Thu kết dư ngân sách cấp quận - huyện;

13. Thu bổ sung từ ngân sách thành phố.

**II. Các khoản thu ngân sách phường - xã - thị trấn (gọi chung là xã) hưởng 100%:**

1. Các khoản thu phí, lệ phí, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp xã tổ chức thu, (không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ nhà đất);

2. Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do xã quản lý;

3. Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do xã quản lý;

4. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã;

5. Các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật và các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho phường - xã - thị trấn;

6. Các khoản thu phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn quyết định xử phạt;

7. Các khoản thu khác của ngân sách xã theo quy định của pháp luật;

8. Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách xã năm trước sang ngân sách xã năm sau;

9. Thu kết dư ngân sách cấp xã;

10. Thu bổ sung từ ngân sách quận - huyện.

**III. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và ngân sách quận - huyện:**

1. Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu (không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu); Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu (không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của đơn vị hạch toán toàn ngành).

Phân chia theo tỷ lệ (%) như sau:

<b>Đơn vị</b>	<b>Ngân sách Trung ương</b>	<b>Ngân sách thành phố</b>	<b>Ngân sách quận huyện</b>
<b>Quận 1</b>	74%	15%	11%
<b>Quận 3</b>	74%	04%	22%
<b>Quận 5</b>	74%	09%	17%
<b>Quận 10, Tân Bình</b>	74%	02%	24%
<b>Các quận - huyện còn lại</b>	74%	0%	26%

2. Tiền thuê nhà và khấu hao cơ bản nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do quận - huyện quản lý: sau khi để lại 40% cho đơn vị quản lý nhà; số 60% còn lại quy thành 100%, phân chia ngân sách quận - huyện 70% và ngân sách thành phố 30%.

**IV. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) giữa ngân sách quận - huyện và ngân sách phường - xã - thị trấn:**

- Thuế nhà đất, thuế chuyển quyền sử dụng đất, thuế môn bài thu từ cá nhân và hộ kinh doanh, lệ phí trước bạ nhà - đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình.

Phân chia theo tỷ lệ (%) như sau:

<b>Cấp ngân sách</b>	<b>Tỷ lệ % phân chia</b>
Ngân sách quận	80%
Ngân sách phường	20%
Ngân sách huyện	30%
Ngân sách xã, thị trấn	70%

**V. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%:**

1. Tiền sử dụng đất;
2. Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;
3. Tiền cho thuê và tiền khấu hao cơ bản nhà ở do thành phố quản lý và tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước;
4. Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
5. Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất;
6. Thu nhập từ vốn góp của ngân sách thành phố, tiền thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế, thu thanh lý tài sản và các khoản khác của doanh nghiệp Nhà nước do địa phương quản lý, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật;

7. Thu từ quỹ dự trữ tài chính của thành phố;
8. Các khoản thu phí, lệ phí, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp thành phố tổ chức thu (không kể phí xăng, dầu và lệ phí trước bạ);
9. Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất);
10. Thu sự nghiệp, phần nộp ngân sách theo quy định của pháp luật của các đơn vị do thành phố quản lý (bao gồm cả chênh lệch thu, chi của doanh nghiệp công ích);
11. Thu khác từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh do Cục Thuế thành phố thu;
12. Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho thành phố theo quy định của pháp luật;
13. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước cho ngân sách thành phố;
14. Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 theo Luật Ngân sách Nhà nước;
15. Các khoản thu phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử phạt, khoản tịch thu theo quy định của pháp luật;
16. Các khoản thu khác của ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật;
17. Thu chuyển nguồn ngân sách từ ngân sách thành phố năm trước sang ngân sách thành phố năm sau;
18. Thu kết dư ngân sách cấp thành phố.

**VI.** Các khoản không nêu tại phần I, II, III và IV thuộc ngân sách Trung ương và ngân sách thành phố theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

### **VII. Số bổ sung cân đối ngân sách năm 2007:**

#### **1. Số bổ sung từ ngân sách thành phố cho ngân sách quận - huyện:**

- Sau khi cân đối thu, chi ngân sách quận - huyện, ngân sách thành phố chi bổ sung cân đối cho ngân sách quận - huyện: 1.331,166 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương cho ngân sách quận - huyện để thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (vốn sự nghiệp) là 13.702 triệu đồng.

- Bổ sung có mục tiêu cho quận - huyện để chi đầu tư xây dựng cơ bản theo phân cấp: căn cứ theo quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố về giao vốn đầu tư xây dựng cơ bản.

2. Số bổ sung từ ngân sách quận - huyện cho ngân sách phường - xã - thị trấn do Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định.

**VIII.** Tỷ lệ phân chia cho các cấp ngân sách thuộc ngân sách địa phương (tại Mục III và IV) và số bổ sung cân đối từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp quận - huyện nêu trên được thực hiện trong thời kỳ ổn định 4 năm (từ năm 2007 đến năm 2010) theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2007****Đơn vị: Cục Thuế thành phố**

Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao

*(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đơn vị: Triệu đồng*

CHỈ TIÊU	DỰ TOÁN THU NĂM 2007	
	Chỉ tiêu pháp lệnh	Chỉ tiêu phân đấu
<b>Tổng số</b>	<b>47.159.500 (*)</b>	
1. Thu ngân sách Nhà nước phần nội địa	41.069.500	Tăng trên 5% so với chỉ tiêu pháp lệnh (chỉ tiêu này không tính nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất và thu từ xổ số kiến thiết)
2. Thu từ dầu thô	6.090.000	

(\*) Cục Thuế có trách nhiệm phân bổ các chỉ tiêu trên cho các đơn vị trực thuộc

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2007****Đơn vị: Công ty Xổ số kiến thiết thành phố**

Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao

*(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đơn vị: Triệu đồng*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>DỰ TOÁN THU NĂM 2007</b>
Tổng số thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	455.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NĂM 2007****Đơn vị: Cục Hải quan thành phố**

Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao

*(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đơn vị: Triệu đồng*

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>DỰ TOÁN THU NĂM 2007</b>
Tổng số thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu	30.800.000
1. Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, thuế TTĐB hàng hóa nhập khẩu	9.300.000
2. Thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu	21.500.000

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**



**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH KHÔI QUẬN - HUYỆN NĂM 2007****Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao***(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đvt: Triệu đồng*

QUẬN HUYỆN	TỔNG THU NSNN NĂM 2007		TỔNG THU NSQH NĂM 2007	Trong đó	
	Chỉ tiêu pháp lệnh	Chỉ tiêu phần đầu		Thu điều tiết NSQH	Thu bổ sung từ NSTP
<b>Tổng số</b>	<b>8.577.410</b>		<b>3.482.032</b>	<b>2.150.866</b>	<b>1.331.166</b>
Quận 1	1.202.400		173.617	173.617	0
Quận 2	134.800		91.776	42.506	49.270
Quận 3	557.600		142.985	142.985	0
Quận 4	129.000		110.026	34.657	75.369
Quận 5	770.730		152.901	150.091	2.810
Quận 6	381.900		143.443	116.620	26.823
Quận 7	252.900		102.509	73.617	28.892
Quận 8	206.700		159.051	57.042	102.009
Quận 9	158.400		127.183	38.025	89.158
Quận 10	508.700	Tăng trên 5% so với chỉ tiêu pháp lệnh (chỉ tiêu này không tính nguồn thu từ đầu giá quyền sử dụng đất)	135.048	134.757	291
Quận 11	329.000		135.219	92.263	42.956
Quận 12	258.070		125.826	72.086	53.740
Quận Phú Nhuận	351.340		113.350	105.000	8.350
Quận Gò Vấp	403.800		191.168	117.094	74.074
Quận Bình Thạnh	539.200		200.784	161.229	39.555
Quận Tân Bình	691.200		204.320	204.320	0
Quận Tân Phú	386.400		154.077	118.682	35.395
Quận Bình Tân	427.900		118.362	94.033	24.329
Quận Thủ Đức	301.350		138.014	68.280	69.734
Huyện Củ Chi	126.140		230.037	35.201	194.836
Huyện Hóc Môn	170.400		151.618	44.955	106.663
Huyện Bình Chánh	180.970	163.256	48.017	115.239	
Huyện Nhà Bè	79.000	84.137	18.170	65.967	
Huyện Cần Giờ	29.510	133.325	7.619	125.706	

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH KHỐI QUẬN - HUYỆN NĂM 2007****Chỉ tiêu Ủy ban nhân dân thành phố giao***(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đvt: Triệu đồng*

QUẬN HUYỆN	TỔNG CHỈ TIÊU GIAO DỰ TOÁN CHI NSQH (*)	Trong đó		Số bổ sung cân đối NSQH từ NSTP
		Chi SN Giáo dục	Chi SN Y tế	
<b>Tổng số</b>	<b>3.482.032</b>	<b>1.334.862</b>	<b>258.267</b>	<b>1.331.166</b>
Quận 1	173.617	63.826	7.466	0
Quận 2	91.776	28.628	6.491	49.270
Quận 3	142.985	60.496	7.010	0
Quận 4	110.026	33.962	9.110	75.369
Quận 5	152.901	62.879	7.343	2.810
Quận 6	143.443	55.791	10.334	26.823
Quận 7	102.509	35.624	8.419	28.892
Quận 8	159.051	60.592	11.733	102.009
Quận 9	127.183	48.712	8.077	89.158
Quận 10	135.048	49.158	7.618	291
Quận 11	135.219	54.630	7.205	42.956
Quận 12	125.826	59.221	9.474	53.740
Quận Phú Nhuận	113.350	34.670	7.608	8.350
Quận Gò Vấp	191.168	85.434	13.649	74.074
Quận Bình Thạnh	200.784	74.876	10.882	39.555
Quận Tân Bình	204.320	84.482	12.601	0
Quận Tân Phú	154.077	64.449	9.810	35.395
Quận Bình Tân	118.362	39.865	9.988	24.329
Quận Thủ Đức	138.014	62.197	10.219	69.734
Huyện Củ Chi	230.037	87.684	32.702	194.836
Huyện Hóc Môn	151.618	68.236	17.481	106.663
Huyện Bình Chánh	163.256	59.474	18.554	115.239
Huyện Nhà Bè	84.137	29.891	5.558	65.967
Huyện Cần Giờ	133.325	30.085	8.935	125.706
<i>(*) Trong đó chưa bao gồm dự phòng chi sự nghiệp y tế</i>				<i>33.811 triệu đồng</i>

**DỰ TOÁN CHI TỪ NGÂN SÁCH NĂM 2007****(Đơn vị do Thành phố quản lý)***(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND**ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên đơn vị	Dự toán 2007	Ghi chú
1	<b>Ủy ban nhân dân thành phố</b>	<b>23.390</b>	
	- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội	842	
	- Văn phòng Thường trực HĐND	1.900	
	- Văn phòng Tiếp công dân	1.948	
	- Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố	18.700	
	+ Văn phòng Ủy ban	18.000	
	+ Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính	300	
	+ Ban Chỉ đạo NNNT	400	
2	<b>Trung tâm Công báo</b>	<b>352</b>	
3	<b>Trung tâm Lưu trữ</b>	<b>340</b>	Dự phòng 340 triệu
4	<b>Sở Kế hoạch - Đầu tư</b>	<b>11.791</b>	
	- Văn phòng Sở Kế hoạch - Đầu tư	7.791	
	- Kinh phí Xúc tiến đầu tư	4.000	
5	<b>Sở Tài chính thành phố</b>	<b>22.856</b>	
	- KP hoạt động cho Ban Chỉ đạo 80	570	
	- HĐ Đấu giá quyền sử dụng đất	2.700	
	- Bộ phận chuyên trách thẩm định giá nhà xưởng	750	
	- Tổ chuyên trách liên ngành thông báo & kiểm soát giá vật liệu xây dựng	450	
	- Văn phòng Sở Tài chính	11.632	Dự phòng 872 triệu
	- Hội đồng Đền bù và giải phóng mặt bằng	1.500	
	- Ban Chỉ đạo Xây dựng bảng giá đất	600	
	- Tổ công tác liên ngành thẩm định giá bán quỹ nhà đất	700	
	- Trung tâm Thẩm định giá và đấu giá tài sản	1.000	
	- Chi cục Tài chính doanh nghiệp	2.954	
6	<b>Sở Khoa học - Công nghệ</b>	<b>80.913</b>	
	- Trung tâm Dịch vụ phân tích thí nghiệm	2.110	
	- Nghiên cứu khoa học	67.293	Dự phòng 4.993 triệu
	- Trung tâm Thông tin khoa học công nghệ	3.000	

	- Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng	1.783	
	- Văn phòng Sở Khoa học - Công nghệ	4.737	
	- Trung tâm Tiết kiệm Năng lượng	440	Dự phòng 440 triệu
	- Trung tâm Thiết kế chế tạo thiết bị mới (NEPTECH)	440	Dự phòng 440 triệu
	- Trung tâm Ứng dụng hệ thống thông tin địa lý	1.060	
	- Tạp chí Khám phá	50	
7	<b>Sở Bưu chính, Viễn thông</b>	<b>54.708</b>	
	- Sự nghiệp bưu chính viễn thông (KP CNTT)	50.000	
	- Văn phòng Sở Bưu chính, Viễn thông	4.302	
	- Ban Quản lý các dự án công nghệ thông tin	406	
8	<b>Trung tâm Tin học thành phố</b>	<b>13.806</b>	
	- Trung tâm Tin học	946	
	- Kinh phí HCM City web	12.260	
	- Kinh phí hoạt động Ban điều hành 112	600	
9	<b>Viện Kinh tế</b>	<b>6.340</b>	
10	<b>Viện Nghiên cứu xã hội</b>	<b>3.440</b>	Dự phòng 450 triệu
11	<b>Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp</b>	<b>1.220</b>	
12	<b>Sở Lao động - Thương binh và Xã hội</b>	<b>201.910</b>	
	- Hoạt động xã hội khác	149.115	
	- Bệnh viện Bình Triệu	3.490	
	- Hoạt động chính sách người có công	6.660	
	- Văn phòng Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	8.594	Dự phòng 500 triệu
	- Liên kết đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề	1.500	
	- Trường Công nhân kỹ thuật TP	7.660	
	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên Gia Định	3.171	
	- Ban Chỉ đạo Xóa đói giảm nghèo và việc làm	1.640	
	- Trung tâm Dịch vụ và giới thiệu việc làm	80	
	- Dự phòng chi sự nghiệp xã hội	20.000	
13	<b>Lực lượng Thanh niên xung phong</b>	<b>125.117</b>	
	- Trường Giáo dục dạy nghề và giải quyết việc làm và Tổng đội 1 - thuộc Lực lượng TN xung phong		
	- Trung tâm Giáo dục thường xuyên TN xung phong	3.315	
	- Văn phòng Lực lượng Thanh niên xung phong	5.181	Dự phòng 942 triệu
	- Ban QL cụm công nghiệp dân cư Nhị xuân	8.352	Dự phòng 250 triệu
	- Duy tu công viên dạ cầu Sài Gòn	1.700	
	- Ban quản lý Đội trật tự du lịch	4.000	
	- Dự phòng	10.000	
14	<b>Sở Xây dựng</b>	<b>17.748</b>	

	- Trường Trung học Xây dựng	2.700	
	- Văn phòng Sở Xây dựng	8.052	
	- Tạp chí Sài Gòn đầu tư và Xây dựng	70	
	- Kinh phí sự nghiệp	3.500	
	- Trung tâm Thông tin và dịch vụ xây dựng	3.426	
15	<b>Thanh tra xây dựng</b>	<b>3.130</b>	
16	<b>Sở Quy hoạch - Kiến trúc</b>	<b>7.541</b>	
	- Văn phòng Sở Quy hoạch - Kiến trúc	6.221	
	- Trung tâm Thông tin quy hoạch	660	
	- Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc	660	
17	<b>Sở Giao thông - Công chính</b>	<b>1.233.900</b>	
	- Khu đường sông	8.419	
	- Thảo cầm viên	16.614	
	- Dịch vụ bảo quản, duy tu công viên cây xanh	60.000	
	- Thanh tra Sở Giao thông - Công chính	7.958	
	- Trung tâm Quản lý điều hành VT hành khách công cộng	9.000	
	- Ban quản lý các bến xe vận tải hành khách	2.982	
	- Cảng vụ đường thủy nội địa	3.923	
	- Trường Trung học Giao thông Công chính	2.813	
	- Trợ giá vé xe buýt	600.000	
	- Văn phòng Sở Giao thông - Công chính	7.776	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 1	4.000	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 2	1.385	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 3	1.350	
	- Khu Quản lý Giao thông đô thị số 4	1.680	
	- Công ty Chiếu sáng công cộng	53.000	
	- Khối Sự nghiệp duy tu giao thông	453.000	Chi từ phí bảo vệ môi trường, từ phí nước thải 190 tỷ
18	<b>Sở Tài nguyên và Môi trường</b>	<b>701.382</b>	
	Trong đó: - Sở Tài nguyên và Môi trường	9.116	
	- Kinh phí sự nghiệp của Sở TN-MT	96.000	
	- Dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác	575.000	
	- Trung tâm Phát triển quỹ đất	6.476	Dự phòng 1.164 triệu
	- TT Thông tin TNMT và đăng ký nhà đất	5.968	
	- Chi cục Bảo vệ môi trường	8.822	
19	<b>Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn</b>	<b>52.338</b>	

	- Chi cục QL chất lượng và Bảo vệ nguồn lợi thủy sản	1.923	
	- Chi cục Kiểm lâm	4.800	Dự phòng 180 triệu
	- TT Nghiên cứu Khoa học và khuyến nông	8.029	
	- Chi cục Bảo vệ thực vật	6.187	Dự phòng 120 triệu
	- Chi cục Phát triển lâm nghiệp	4.013	Dự phòng 570 triệu
	- Chi cục Thủy lợi và phòng chống lụt bão	1.471	Dự phòng 300 triệu
	- Trợ giá bù giống gốc	3.471	
	- CTy Quản lý khai thác DVTL TP HCM (Bù hụt thu TLP)	3.993	
	- Chi cục Phát triển nông thôn	1.762	
	- TT Qly & Kiểm định giống cây trồng vật nuôi	1.885	Dự phòng 270 triệu
	- Trường Trung học Kỹ thuật nông nghiệp	3.393	
	- Ban Quản lý Trung tâm thủy sản thành phố	500	
	- Văn phòng Sở Nông nghiệp và PT nông thôn	4.850	
	- TT Công nghệ sinh học	4.361	Dự phòng 1.568 triệu
	- TT Tư vấn & hỗ trợ chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp	1.700	
20	<b>Sở Thương mại</b>	<b>35.725</b>	
	- Văn phòng Sở Thương mại	4.428	
	- Kinh phí Xúc tiến thương mại - đầu tư	6.000	
	- Chi cục Quản lý thị trường thành phố	25.297	
21	<b>Đài Tiếng nói nhân dân</b>	<b>14.000</b>	
22	<b>Sở Văn hóa và Thông tin</b>	<b>86.206</b>	
	- Sự nghiệp nghệ thuật	24.960	Dự phòng 500 triệu
	- Trung tâm Thông tin triển lãm	4.524	
	- Hoạt động văn hóa khác	17.361	
	- Bảo tàng, bảo tồn	22.186	
	- Trợ giá văn hóa phẩm	500	Dự phòng 500 triệu
	- Thư viện Khoa học tổng hợp	6.267	
	- Trường Cao đẳng Văn hóa nghệ thuật	3.740	
	- Văn phòng Sở Văn hóa và Thông tin	6.668	
23	<b>Công ty Xuất nhập khẩu phát hành Sách TP</b>	<b>400</b>	
24	<b>Tuần báo Văn nghệ</b>	<b>600</b>	Dự phòng 600 triệu
25	<b>Sở Giáo dục và Đào tạo</b>	<b>477.746</b>	
	- SN Giáo dục	303.407	
	- SN Đào tạo	166.991	
	- Văn phòng Sở Giáo dục và Đào tạo	7.348	

26	<b>Sở Tư pháp</b>	<b>10.112</b>	
	- Phòng công chứng 1	990	
	- Phòng công chứng 2	836	
	- Phòng công chứng 3	600	
	- Phòng công chứng 4	750	
	- Phòng công chứng 5	850	
	- Phòng công chứng 6	625	
	- Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước	500	
	- Văn phòng Sở Tư pháp	4.961	Dự phòng 500 triệu
27	<b>Sở Y tế</b>	<b>850.814</b>	
	- Sự nghiệp Y tế	677.205	Dự phòng 4.000 triệu
	- Sự nghiệp Y tế (phân bổ cho quận - huyện)	33.811	Dự phòng 33.811 triệu
	- Quỹ Khám chữa bệnh cho người nghèo	22.000	
	- Trung tâm Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ y tế	12.210	
	- Văn phòng Sở Y tế	5.588	
	- Quỹ Khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi	100.000	
28	<b>Ủy ban Dân số - Gia đình và Trẻ em</b>	<b>7.341</b>	
	- Ủy ban Dân số Gia đình và Trẻ em	2.332	
	- Kinh phí chương trình mục tiêu	4.745	
	- Kinh phí in thẻ khám chữa bệnh trẻ em dưới 6 tuổi	264	
29	<b>Sở Công nghiệp</b>	<b>9.887</b>	
	- Trường Trung học Công nghiệp	5.219	
	- Văn phòng Sở Công nghiệp	4.048	
	- TT Tư vấn & Hỗ trợ doanh nghiệp công nghiệp TP	620	
30	<b>Thanh tra Thành phố</b>	<b>7.112</b>	Dự phòng 200 triệu
31	<b>Ủy ban về người Việt Nam ở nước ngoài</b>	<b>1.720</b>	
32	<b>Sở Du lịch</b>	<b>9.968</b>	
	- Văn phòng Sở Du lịch	2.968	
	- Kinh phí Xúc tiến du lịch	7.000	Dự phòng 1.000 triệu
33	<b>Sở Thể dục - Thể thao</b>	<b>100.635</b>	
	- Sự nghiệp thể dục thể thao	55.000	
	- Trường Nghiệp vụ Thể dục thể thao	31.215	
	- Trường Năng khiếu Thể dục thể thao	800	
	- Văn phòng Sở Thể dục - Thể thao	3.620	
	- Chương trình đào tạo nguồn nhân lực	10.000	Dự phòng 6.100 triệu
34	<b>Sở Nội vụ</b>	<b>9.540</b>	
	- Sở Nội vụ	6.340	Dự phòng 3.000 triệu

	- Đào tạo	3.200	
35	<b>Hội đồng Thi đua khen thưởng</b>	<b>15.924</b>	
	(Trong đó: kinh phí khen thưởng: 15.000 triệu)		
36	<b>Trường Cán bộ thành phố</b>	<b>4.200</b>	
37	<b>Liên minh các Hợp tác xã</b>	<b>1.338</b>	
38	<b>Hội Liên hiệp Phụ nữ</b>	<b>2.820</b>	Dự phòng 380 triệu
39	<b>Thành đoàn</b>	<b>15.228</b>	
	- Trường Đoàn Lý Tự Trọng	1.700	Dự phòng 500 triệu
	- Trường Bổ túc Văn hóa Thành đoàn	550	Dự phòng 170 triệu
	- Nhà Văn hóa thanh niên	1.260	
	- Nhà Thiếu nhi thành phố	2.196	
	- Hãng phim Trẻ	500	
	- Trung tâm Dịch vụ việc làm Thanh niên	320	
	- Nhà Văn hóa sinh viên	750	
	- TT sinh hoạt dã ngoại thanh thiếu niên TP	422	
	- Văn phòng Thành đoàn	7.120	
	- Ký túc xá sinh viên Lào	410	
40	<b>Ban Tài chính quản trị Thành ủy</b>	<b>188.678</b>	
	TĐ :- Kinh phí đào tạo	25.000	
	- Đào tạo 300 Tiến sĩ - Thạc sĩ trẻ	40.000	
	- Kinh phí hoạt động	123.678	
41	<b>Hội Nông dân</b>	<b>2.542</b>	
	TĐ: - Hội Nông dân	2.014	
	- Trung tâm Hỗ trợ nông dân	528	
42	<b>Hội Cựu chiến binh</b>	<b>1.510</b>	Dự phòng 90 triệu
43	<b>Ủy ban Mặt trận Tổ quốc</b>	<b>6.664</b>	
44	<b>Ban QL Khu đô thị mới Nam Thành phố</b>	<b>3.420</b>	
	- Ban QL Khu đô thị mới Nam Thành phố	3.020	
	- Kinh phí xúc tiến	400	
45	<b>Ban Quản lý dự án Khu công nghệ cao</b>	<b>6.963</b>	
	- Ban Quản lý dự án Khu công nghệ cao	3.960	
	- Trung tâm đào tạo	656	
	- Trung tâm Nghiên cứu triển khai	1.947	Dự phòng 1.000 triệu
	- Kinh phí xúc tiến	400	
46	<b>Ban Quản lý ĐT và XD Khu đô thị mới Thủ Thiêm</b>	<b>2.424</b>	
	- Ban quản lý ĐTXD Khu đô thị mới Thủ Thiêm	2.024	
	- Kinh phí xúc tiến	400	



47	<b>Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc</b>	<b>1.970</b>	
	- Ban Quản lý Khu đô thị Tây Bắc	1.570	
	- Kinh phí xúc tiến	400	
48	<b>Trung tâm Xúc tiến thương mại và đầu tư</b>	<b>32.740</b>	
	- Văn phòng Trung tâm	2.240	
	- Kinh phí Xúc tiến thương mại - đầu tư	30.500	
49	<b>Ban Quản lý Nông nghiệp khu công nghệ cao</b>	<b>2.580</b>	
	- Ban Quản lý Nông nghiệp khu công nghệ cao	1.100	
	- Kinh phí xúc tiến	400	
	- Trung tâm Nghiên cứu & phát triển nông nghiệp công nghệ cao	1.080	Dự phòng 200 triệu
50	<b>Ban chuẩn bị đầu tư các dự án trọng điểm</b>	<b>170</b>	
51	<b>BCĐ T/hiện DA nhà máy xử lý nước Thủ Đức</b>	<b>130</b>	
52	<b>Công an thành phố</b>	<b>42.590</b>	
53	<b>Trung tâm Điều khiển tín hiệu giao thông</b>	<b>500</b>	
54	<b>Sở Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy</b>	<b>3.700</b>	Dự phòng 1.000 triệu
55	<b>Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố</b>	<b>25.000</b>	Dự phòng 533 triệu
56	<b>Trường Thiếu sinh quân</b>	<b>4.550</b>	
57	<b>Liên hiệp các tổ chức Hữu nghị thành phố</b>	<b>2.232</b>	
58	<b>Các Hội</b>	<b>12.320</b>	Dự phòng 100 triệu
59	<b>Kinh phí hỗ trợ</b>	<b>8.884</b>	Dự phòng 1.000 triệu
60	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia phân bổ cho khối quận - huyện</b>	<b>2.530</b>	
	<b>- Tăng cường thiết bị dạy nghề</b>	<b>1.600</b>	
	+ Trung tâm Dạy nghề quận 4	200	
	+ Trung tâm Dạy nghề quận 9	700	
	+ Trung tâm Dạy nghề huyện Nhà Bè	700	
	<b>- Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn</b>	<b>930</b>	
	+ Quận 9	140	
	+ Quận 12	140	
	+ Huyện Củ Chi	180	
	+ Huyện Hóc Môn	120	
	+ Huyện Bình Chánh	100	
	+ Huyện Nhà Bè	180	
	+ Huyện Cần Giờ	70	

**NGUỒN THU VÀ NHIỆM VỤ CHI  
CHO TỪNG CẤP NGÂN SÁCH Ở ĐỊA PHƯƠNG**

*(Kèm theo Quyết định số 178/2006/QĐ-UBND*

*ngày 08 tháng 12 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

**I. Ngân sách cấp thành phố:**

**1. Nguồn thu của ngân sách cấp thành phố:**

**1.1. Các khoản thu ngân sách thành phố hưởng 100%:**

- a) Tiền sử dụng đất;
- b) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước;
- c) Tiền cho thuê và tiền khấu hao cơ bản nhà ở do thành phố quản lý và tiền bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước;
- d) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết;
- đ) Thu đền bù thiệt hại khi Nhà nước thu hồi đất;
- e) Thu hồi vốn của ngân sách địa phương tại các tổ chức kinh tế, thu từ quỹ dự trữ tài chính của thành phố, thu nhập từ vốn góp của ngân sách thành phố;
- g) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp thành phố;
- h) Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp và các khoản thu khác nộp vào ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật;
- i) Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật (kể cả thu từ huy động nguồn phát hành trái phiếu đô thị, tín phiếu...);
- k) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước;
- l) Thu từ huy động đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước;
- m) Thu kết dư ngân sách cấp thành phố;
- n) Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương;
- o) Thu chuyển nguồn ngân sách thành phố năm trước chuyển sang;
- p) Các khoản thu khác của ngân sách thành phố theo quy định của pháp luật;
- q) Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất);

r) Các khoản thu phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố quyết định xử phạt, khoản tịch thu theo quy định của pháp luật.

**1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương:**

a) Thuế giá trị gia tăng, không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và thuế giá trị gia tăng thu từ hoạt động xổ số kiến thiết; thuế giá trị gia tăng từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí do Trung ương quản lý;

b) Thuế thu nhập doanh nghiệp, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành và thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí do Trung ương quản lý;

c) Thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao;

d) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa, dịch vụ trong nước không kể thuế tiêu thụ đặc biệt từ hoạt động xổ số kiến thiết;

đ) Phí xăng, dầu;

e) Thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài của các tổ chức, cá nhân nước ngoài có vốn đầu tư tại Việt Nam, không kể thuế chuyển thu nhập ra nước ngoài đối với thu nhập từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí do Trung ương quản lý (nếu có).

Trong phạm vi nguồn thu được phân chia cho ngân sách địa phương, ngân sách thành phố được phân chia toàn bộ các khoản thu ở khoản 1.2 nêu trên trừ thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu, không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu và thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực ngoài quốc doanh, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành.

**1.3. Các khoản thu phân chia tỷ lệ (%) giữa ngân sách thành phố và ngân sách quận - huyện:**

Tiền cho thuê và tiền khấu hao cơ bản nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do quận - huyện quản lý.

**2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp thành phố gồm:**

**2.1. Chi đầu tư phát triển:**

a) Đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng thu hồi vốn do thành phố quản lý;

b) Đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

## ***2.2. Chi thường xuyên***

a) Các hoạt động sự nghiệp, giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học và công nghệ, môi trường:

- Giáo dục phổ thông, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo và các hoạt động giáo dục khác do thành phố quản lý;

- Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động y tế khác;

- Các trường, trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- Phát thanh, truyền hình và các hoạt động thông tin khác;

- Bồi dưỡng, huấn luyện huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp thành phố; các giải thi đấu cấp thành phố; quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục, thể thao khác;

- Nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, các hoạt động sự nghiệp khoa học, công nghệ khác;

- Các hoạt động sự nghiệp khác do thành phố quản lý.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do thành phố quản lý:

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, các trạm trại nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm định giống cây trồng, vật nuôi;

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường, các công trình giao thông khác; lập biển báo và các biện pháp đảm bảo an toàn giao thông đường bộ, đường sông;

- Sự nghiệp thị chính: duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước, giao thông nội thị, công viên và các sự nghiệp thị chính khác;

- Đo đạc, lập bản đồ và lưu trữ hồ sơ địa chính;
- Điều tra cơ bản;
- Các hoạt động về môi trường;
- Các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và trật tự - an toàn xã hội (phần giao cho cấp thành phố);

d) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam ở thành phố, quận - huyện;

đ) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở thành phố: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

e) Hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở thành phố theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do thành phố quản lý;

h) Các chương trình quốc gia do Chính phủ giao cho thành phố quản lý;

i) Trợ giá theo chính sách của Nhà nước;

k) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật

**2.3. Chi trả gốc, lãi tiền huy động cho đầu tư theo quy định tại khoản 3 Điều 8 của Luật Ngân sách Nhà nước.**

**2.4. Chi bổ sung Quỹ Dự trữ tài chính của thành phố.**

**2.5. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.**

**2.6. Chi chuyển nguồn ngân sách thành phố năm trước sang năm sau.**

## **II. Ngân sách cấp quận - huyện:**

### **1. Nguồn thu của ngân sách cấp quận - huyện:**

#### **1.1. Các khoản thu ngân sách quận - huyện hưởng 100%:**

- a) Thuế môn bài (trừ thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh);
- b) Thuế tài nguyên; không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động dầu, khí;
- c) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp quận - huyện;

- d) Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp và các khoản thu khác nộp vào ngân sách quận - huyện theo quy định của pháp luật;
- đ) Huy động từ các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;
- e) Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước;
- g) Thu kết dư ngân sách cấp quận - huyện;
- h) Thu bổ sung từ ngân sách thành phố;
- i) Các khoản thu khác của ngân sách quận - huyện theo quy định của pháp luật;
- k) Các khoản thu vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân quận - huyện quyết định xử phạt;
- l) Thu chuyển nguồn ngân sách quận - huyện năm trước chuyển sang.

**1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách Trung ương, ngân sách thành phố và ngân sách quận - huyện:**

- a) Thuế giá trị gia tăng thu từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu, không kể thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu;
- b) Thuế thu nhập doanh nghiệp thu từ khu vực ngoài quốc doanh do Chi cục Thuế quận - huyện thu, không kể thuế thu nhập doanh nghiệp của các đơn vị hạch toán toàn ngành;

**1.3. Các khoản thu phân chia tỷ lệ (%) giữa ngân sách thành phố và ngân sách quận - huyện:**

Tiền cho thuê và tiền khấu hao cơ bản nhà ở thuộc sở hữu Nhà nước do quận - huyện quản lý.

**1.4. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách quận - huyện và ngân sách phường - xã - thị trấn:**

- a) Thuế nhà đất;
- b) Thuế chuyển quyền sử dụng đất;
- c) Lệ phí trước bạ nhà, đất;
- d) Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh;
- đ) Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình.

**2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp quận - huyện gồm:**

**2.1. Chi đầu tư phát triển:**

a) Đầu tư xây dựng các dự án do quận - huyện quản lý thuộc dự án nhóm C trong phạm vi địa giới từng quận - huyện (không thuộc các dự án nhóm C do các Sở quyết định đầu tư) sau khi Hội đồng nhân dân quận - huyện thông qua;

b) Chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

## **2.2. Chi thường xuyên:**

a) Các hoạt động sự nghiệp, giáo dục, đào tạo, y tế, xã hội, văn hóa thông tin, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao:

- Giáo dục trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo và các hoạt động giáo dục khác do quận - huyện quản lý;

- Đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác do quận - huyện quản lý;

- Phòng bệnh, chữa bệnh và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực y tế, chương trình dân số và kế hoạch hóa gia đình do Thành phố phân cấp;

- Các trường, trại xã hội, cứu tế xã hội, cứu đói, phòng chống các tệ nạn xã hội và các hoạt động xã hội khác;

- Hoạt động văn hóa nghệ thuật, phát thanh và các hoạt động văn hóa thông tin khác;

- Quản lý các cơ sở thi đấu thể dục, thể thao và các hoạt động thể dục thể thao khác;

- Các hoạt động sự nghiệp khác do quận - huyện quản lý.

b) Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do quận - huyện quản lý:

- Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: duy tu, bảo dưỡng các tuyến đê, các công trình thủy lợi, công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư;

- Sự nghiệp giao thông: duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu đường, các công trình giao thông khác được Thành phố phân cấp;

- Sự nghiệp thị chính: thanh toán tiền điện chiếu sáng công cộng hệ dân lập, vỉa hè, hệ thống thoát nước, công viên, tiểu đảo và các sự nghiệp thị chính khác phân cấp cho quận - huyện;

- Các sự nghiệp kinh tế khác.

c) Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh và trật tự - an toàn xã hội (phần giao cho cấp quận - huyện);

d) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước do quận - huyện quản lý;

đ) Hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở quận - huyện: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

e) Hỗ trợ hoạt động của các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp ở quận - huyện theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện các chính sách xã hội đối với các đối tượng do quận - huyện quản lý;

h) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

### ***2.3. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới.***

### ***2.4. Chi chuyển nguồn ngân sách quận - huyện năm trước sang năm sau.***

## **III. Ngân sách cấp phường - xã - thị trấn (gọi chung là cấp xã):**

### **1. Nguồn thu của ngân sách cấp phường - xã - thị trấn:**

#### ***1.1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:***

a) Các khoản phí, lệ phí, thu từ các hoạt động sự nghiệp và các khoản thu khác nộp vào ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật; các khoản thu phạt vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân phường - xã - thị trấn quyết định xử phạt;

b) Thu đấu thầu, thu khoán theo mùa vụ từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác theo quy định của pháp luật do cấp xã quản lý;

c) Tiền thu từ hoạt động sự nghiệp do cấp xã quản lý;

d) Các khoản đóng góp theo quy định của pháp luật và các khoản đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho cấp xã;

đ) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã;

e) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

g) Thu bổ sung từ ngân sách quận - huyện;

h) Các khoản thu khác của ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật;

i) Thu chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước chuyển sang.

#### ***1.2. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (%) giữa ngân sách quận - huyện và ngân sách cấp xã:***



- a) Thuế nhà đất;
- b) Thuế chuyển quyền sử dụng đất;
- c) Lệ phí trước bạ nhà, đất;
- d) Thuế sử dụng đất nông nghiệp từ hộ gia đình;
- đ) Thuế môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh.

## **2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã gồm:**

### ***2.1. Chi đầu tư phát triển về:***

- a) Đầu tư xây dựng các dự án thuộc ngân sách phường - xã - thị trấn có mức vốn đầu tư dưới 3 (ba) tỷ đồng sau khi thông qua Hội đồng nhân dân phường - xã - thị trấn;
- b) Chi đầu tư và sửa chữa các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội của cấp xã từ nguồn huy động, đóng góp của các tổ chức, cá nhân cho từng dự án nhất định theo quy định của pháp luật, do Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý;
- c) Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.

### ***2.2. Chi thường xuyên về:***

- a) Các hoạt động xã hội và hoạt động văn hóa thông tin, thể dục thể thao do phường - xã - thị trấn quản lý;
- b) Hỗ trợ kinh phí giáo dục (bổ túc văn hóa, nhà trẻ, mẫu giáo) và y tế trên địa bàn phường - xã - thị trấn;
- c) Quản lý duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa các công trình phúc lợi, đường giao thông phường - xã - thị trấn quản lý;
- d) Công tác dân quân tự vệ, trật tự an toàn xã hội ở phường - xã - thị trấn;
- đ) Hoạt động của các cơ quan Nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở phường - xã - thị trấn;
- e) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

### ***2.3. Chi chuyển nguồn ngân sách cấp xã năm trước sang năm sau./.***

**QUẬN 8**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
QUẬN 8**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 44/2006/QĐ-UBND

*Quận 8, ngày 30 tháng 11 năm 2006*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng  
và sửa chữa năm 2006**

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 02 năm 2005 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 109/2005/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy định về công tác quản lý các dự án đầu tư trong nước;

Căn cứ Quyết định số 45/2006/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2006 nguồn vốn ngân sách tập trung, vốn khấu hao cơ bản từ phụ thu tiền điện, vốn từ nguồn thu quảng cáo Đài truyền hình, vốn huy động từ Quỹ hỗ trợ phát triển, vốn từ Quỹ hỗ trợ và sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, vốn phụ thu tiền nước;

Căn cứ Quyết định số 141/2006/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2006 nguồn vốn ngân sách tập trung, vốn khấu hao cơ bản từ phụ thu tiền điện, vốn từ nguồn thu quảng cáo Đài truyền hình;

Căn cứ Nghị quyết Hội đồng nhân dân quận kỳ họp lần thứ 6 (khóa IX);

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8 tại Tờ trình số 208/TT-TCKH ngày 24 tháng 11 năm 2006,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Nay điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch đầu tư xây dựng và sửa chữa lớn năm 2006 thuộc nguồn vốn đầu tư phân cấp và nguồn vốn ngân sách Quận theo danh mục công trình đầu tư đính kèm.

**Điều 2.** Các chủ đầu tư có trách nhiệm:

1. Thực hiện đầy đủ các quy định về đầu tư đối với các công trình khởi công mới. Hoàn thành thanh toán và quyết toán vốn đầu tư khối lượng chuyển tiếp năm 2006 theo đúng quy định hiện hành.

2. Hoàn tất các thủ tục đầu tư đã được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên đối với danh mục các công trình chuẩn bị đầu tư ban hành kèm theo Quyết định này; thời gian hoàn tất hồ sơ báo cáo kinh tế - kỹ thuật, thiết kế thi công trước ngày 31 tháng 12 năm 2006.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 36/2006/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 8.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân quận 8, Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quận 8, Trưởng Phòng Quản lý đô thị quận 8, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường quận 8, Trưởng Phòng Kinh tế quận 8, Trưởng Phòng Giáo dục quận 8, Giám đốc Ban Quản lý dự án khu vực đầu tư xây dựng quận 8, Giám đốc Trung tâm Y tế quận 8, Giám đốc Kho bạc Nhà nước quận 8, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Đô Lương**

## DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐẦU TƯ NĂM 2006

(Theo Quyết định số 44/2006/QĐ-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân quận 8)

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2006				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS Quận		
	<b>TỔNG CỘNG: (I+II)</b>			<b>98.789</b>	<b>59.147</b>	<b>43.442</b>	<b>235</b>	<b>15.470</b>		
<b>I</b>	<b>Công trình thanh toán khối lượng đọng và chuyển tiếp:</b>			<b>39.122</b>	<b>17.547</b>	<b>11.998</b>	<b>235</b>	<b>5.314</b>		
1	Đường vào Trung tâm TĐTT quận 8	P5	Dài 90,2m, rộng 6,1-7,8m, không vỉa hè	1.760	48	48			BQLDA Q8	
2	Di dời hệ thống điện khu Trung tâm hành chính quận 8	P5	Xây dựng mới 3 trụ; kéo mới 420m dây đơn tuyến	1.945	81	81			BQLDA Q8	
3	Xây dựng tường rào, đèn bù giải tỏa Trường Tiểu học Âu Dương Lân	P3	Tường rào dài 135,2m, ĐBGT	3.874	10			10	BQLDA Q8	
4	Xây dựng tường rào, nhà bảo vệ Trường Mầm non phường 2 (số 41 Dạ Nam)	41 Dạ Nam	Xây dựng mới, tổng khuôn viên đất 1.620m <sup>2</sup> , nhà cấp 2, 1 trệt 2 lầu	4.844	644	644			BQLDA Q8	
5	Mở rộng Trường Tùng Thiện Vương	P12	XD mới 1641m <sup>2</sup> , cải tạo 162m <sup>2</sup> , nâng tầng 777m <sup>2</sup> . Tăng 17 phòng học và các phòng chức năng	5.191	4.235	4.235			BQLDA Q8	
6	Mở rộng Trường THCS Chánh Hưng	P5		4.998	2.600	2.600			BQLDA Q8	
7	Phòng khám đa khoa Xóm Củi	P12	Xây dựng mới	5.199	4.199	4.199			BQLDA Q8	
8	Nâng nền trước trụ sở Ủy ban nhân dân phường 14	P14	Nâng cấp	178	20	20			BQLDA Q8	
9	Hẻm 238 đường Quốc lộ 50	P6	Nâng cấp	377	56	56			BQLDA Q8	
10	Hẻm 2889 Phạm Thế Hiển	P7	Nâng cấp	382	75	75			BQLDA Q8	
11	Hẻm 2805 Phạm Thế Hiển	P7	Nâng cấp	283	40	40			BQLDA Q8	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2006				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS Quận		
12	Nhà Văn hóa phường 14	P14	Xây dựng mới	1.200	1.006			1.006	BQLDA Q8	Vốn tài trợ XĐGN 300 trđ
13	Trụ sở Công an phường 11	P11	DTKV: 258 m <sup>2</sup> . DT sàn 687m <sup>2</sup> , 1 trệt 2 lầu	1.430	1.177			1.177	BQLDA Q8	
14	Hẻm 109 Dương Bá Trạc	P1	Nâng cấp	1.970	443			443	BQLDA Q8	Ctr VD nhân dân hiến đất.
15	Hẻm 219 Tạ Quang Bửu	P3	Nâng cấp	245	100			100	BQLDA Q8	
16	Hẻm Đình An Tài - Rạch Cùg	P7	Nâng cấp	1.137	401			401	BQLDA Q8	Ctr VD nhân dân hiến đất.
17	Nâng cấp đường nội bộ cư xá Chánh Hưng Lô B-C	P 9	Nâng cấp	962	424			424	BQLDA Q8	
18	Nâng cấp đường nội bộ cư xá Chánh Hưng Lô F-H	P 9	Nâng cấp	938	309			309	BQLDA Q8	
19	Hẻm 79 Bến Phú Định	P16	Nâng cấp	1.202	633		146	487	BQLDA Q8	Ctr VD nhân dân hiến đất
20	Nâng cấp hẻm khu phố 4 phường 16 và hẻm 2733 khu phố 2 phường 7 quận 8 (Công trình phòng chống lụt bão năm 2004)	P7 & P16	Nâng cấp bờ bao tổng chiều dài 1.000m và một số hẻm ven kênh rạch	589	589		89	500	Phòng Kinh tế Q8	Vốn ngân sách 500 triệu đồng, phần còn lại vận động nhân dân đóng góp
21	Duy tu sửa chữa các hạng mục công trình phòng chống lụt bão năm 2005	Q8		418	457			457	Phòng Kinh tế quận 8	
<b>II</b>	<b>Công trình khởi công mới:</b>			<b>59.667</b>	<b>41.600</b>	<b>31.444</b>	<b>0</b>	<b>10.156</b>		
1	Xây dựng Hội trường văn hóa quận 8	P5	Xây dựng mới	6.900	6.900	6.900			BQLDA Q8	
2	Nâng cấp hẻm 329 Bùi Minh Trực (hẻm vào Hương Huyền)	P5	Nâng cấp	1.300	1.300	1.300			BQLDA Q8	
3	Trụ sở UBND phường 9	P9	XD mới 1 trệt 2 lầu	2.714	1.000	1.000			BQLDA Q8	
4	Trụ sở UBND phường 2 (Trường Au Dương Lân - cơ sở 2)	P2	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.838	1.000	1.000			BQLDA Q8	
5	Trụ sở UBND phường 10	P10	XD mới 1 trệt 2 lầu	2.513	1.000	1.000			BQLDA Q8	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2006				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS Quận		
6	Sửa chữa Trường Mầm non Tuổi Ngọc	P6	Sửa chữa	1.852	1.852	1.852			BQLDA Q8	
7	Sửa chữa cải tạo Trường Tiểu học Bông Sao	P5	Sửa chữa, cải tạo	749	749	749			BQLDA Q8	
8	Nhà Văn hóa phường 3	P3	Kho chiếu cũ hẻm 102 ADL (181m <sup>2</sup> DT sàn 621m <sup>2</sup> )	1.815	1.200	1.200			BQLDA Q8	
9	Nhà Văn hóa phường 7	P7	Khu đất phía sau UBND P7 (428,6m <sup>2</sup> ) DT sàn 848,7m <sup>2</sup>	2.948	300	300			BQLDA Q8	
10	Nhà Văn hóa phường 2	P2	Khu Caritas đường TQB DTKV 206,8m <sup>2</sup> DT sàn 585,3m <sup>2</sup>	1.812	200	200			BQLDA Q8	
11	Trạm Y tế phường 3	P3		2.090	200	200			BQLDA Q8	
12	Mua sắm trang thiết bị Phòng khám đa khoa Xóm Cũi	P12		2.049	2.049			2.049	Trung tâm Y tế quận 8	
13	Sửa chữa cải tạo Trường Tiểu học Thái Hưng (đường Phạm Thế Hiển)	P4	Sửa chữa, cải tạo	373	373			373	BQLDA Q8	
14	Sửa chữa cải tạo Trường Tiểu học Thái Hưng (đường Tạ Quang Bửu)	P4	Sửa chữa, cải tạo	338	338			338	BQLDA Q8	
15	Sửa chữa cải tạo Trường Hồng Đức	P14	Sửa chữa, cải tạo	500	500			500	BQLDA Q8	-
16	Sửa chữa cải tạo Trường Tiểu học Nguyễn Nhược Thị	P15	Sửa chữa, cải tạo	248	248			248	BQLDA Q8	
17	Duy tu đường Hồ Học Lãm	P16	San lấp các vũng sâu, bù vênh, thảm bê tông nhựa dày 7cm	303	303			303	BQLDA Q8	
18	Xây dựng trụ sở Phường đội và Khối dân vận phường 14	P14	Xây dựng mới	747	747			747	BQLDA Q8	
19	Nâng cấp đường Trần Nguyên Hãn	P13	Nâng cấp lề đường	710	320			320	BQLDA Q8	
20	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Cù	P13	Nâng cấp lề đường	1.028	434			434	BQLDA Q8	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2006				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS Quận		
21	Hệ thống thoát nước hẻm 1/1A đường Phạm Hùng	P4	Làm hệ thống thoát nước	334	334			334	BQLDA Q8	
22	Sửa chữa đường số 12 phường 5 quận 8 (đoạn từ đường Phạm Hùng đến đường 1011)	P5	Sửa chữa	2.881	2.545	2.545			BQL-DA Q8	
23	Đầu nối hệ thống thoát nước khu Trung tâm hành chính quận 8	P5	Làm hệ thống thoát nước	300	300	300			BQL-DA Q8	
24	Đường bên hông khu Trung tâm hành chính	P5	Xây dựng mới	3.530	2.600	2.600			BQLDA Q8	
25	Đường vào Trường Tùng Thiện Vương	P12	Xây mới	848	848	848			BQLDA Q8	
26	Lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng sử dụng đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu quận 8	Quận 8		669	669	669			BQL-DA Q8	
27	Lập Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2010, định hướng sử dụng đến năm 2020 và Kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu 16 phường thuộc quận 8	16 phường		1.434	1.434	1.434			BQL-DA Q8	
28	Kinh phí bồi thường nhà xưởng số 545A đường Bến Ba Đình phường 9 quận 8 để chuẩn bị thực hiện dự án đầu tư xây dựng trường tiểu học và trung học cơ sở phường 9 quận 8	P9		5.347	5.347	5.347			BQL-DA Q8	
29	Sân trước Ủy ban nhân dân quận 8	P5		4.987	2.000	2.000			BQL-DA Q8	
30	Trang thiết bị Hội trường văn hóa quận 8	P5		2.665	2.665			2.665	VP. HĐND-UBND Q8	
31	Gia cố đê bao rạch Lòng Đền kết hợp làm đường giao thông nông thôn (Phòng chống lụt bão 2006)	P7		451	451			451	BQL-DA Q8	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2006				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS Quận		
32	Sửa chữa Trường Tiểu học Phạm Thế Hiển phường 6 quận 8	P6		252	252			252	BQL-DA Q8	
33	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các tuyến đường chính (quận và sở quản lý)	Quận 8		343	343			343	BQLDA Q8	
34	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các hẻm của các phường 1, 2, 3.	P1,2,3		116	116			116	BQLDA Q8	
35	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các hẻm của các phường 4, 5, 6, 7.	P4,5,6,7		356	356			356	BQLDA Q8	
36	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các hẻm của các phường 8, 9, 10.	P8,9,10.		79	79			79	BQLDA Q8	
37	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các hẻm của các phường 11, 12, 13.	P11,12,13		52	52			52	BQLDA Q8	
38	Khảo sát và lập hồ sơ kỹ thuật các hẻm của các phường 14, 15, 16.	P14,15,16		195	195			195	BQLDA Q8	
<b>III</b>	<b>Công trình chuẩn bị đầu tư</b>			<b>181.533</b>	<b>620</b>	<b>520</b>	<b>0</b>	<b>100</b>		
<b>a</b>	<b>Khối giáo dục</b>			<b>74.963</b>	<b>220</b>	<b>220</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Sửa chữa Trường Tiểu học Lý Thái Tổ	P11	Sửa chữa	1.000	10	10			BQLDA Q8	
2	Xây dựng cải tạo Trường Tiểu học Vàm Cỏ Đông	P4	Sửa chữa	1.533	10	10			BQLDA Q8	
3	Xây dựng mới hội trường và sửa chữa cải tạo Trường Chánh Hưng	P5	Sửa chữa và xây mới	4.119	10	10			BQLDA Q8	
4	Sửa chữa nâng cấp Trường Tiểu học Rạch Ông	P2	Xây dựng mới	2.600	10	10			BQLDA Q8	
6	Trường Tiểu học Đinh Công Tráng	P10	Sửa chữa	970	10	10			BQLDA Q8	
7	Trường THCS Bình An	P7	Sửa chữa, cải tạo	3.000	10	10			BQLDA Q8	
2	Xây dựng, sửa chữa Trường Dương Bá Trạc	P2	2 phòng chức năng + s/c nhà hiện hữu	2.772	10	10			BQLDA Q8	
8	Trường Mầm non phường 2 (số 41 Dạ Nam)	P2	Xây dựng mới	3.500	10	10			BQLDA Q8	



STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2006				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS Quận		
9	Xây dựng mở rộng Trường Âu Dương Lân	P3	Mở rộng	2.500	10	10			BQLDA Q8	
5	Trường Mầm non phường 13	P13	Xây dựng mới	4.969	10	10			BQLDA Q8	
10	Trường Mầm non Việt Nhi phường 2	P2	Sửa chữa	500	10	10			BQLDA Q8	
11	Trường Mầm non phường 8	P8	Xây dựng mới	4.000	10	10			BQLDA Q8	
13	Trường Tiểu học Nguyễn Công Trứ	P16	Cải tạo, xây mới	5.000	10	10			BQLDA Q8	
15	Trường THCS Bình Đông	P16	Sửa chữa, cải tạo	2.000	10	10			BQLDA Q8	
12	Trường Tiểu học Thái Hưng	P4	Cải tạo, xây mới	5.000	10	10			BQLDA Q8	
14	Trường THCS Tùng Thiện Vương	P12	Nâng nền, sân và SC khối cũ	4.000	10	10			BQLDA Q8	
16	Trường Tiểu học Hồng Đức	P14	Cải tạo, xây mới	4.000	10	10			BQLDA Q8	
17	Trường Tiểu học Bông Sao	P5	Cải tạo, xây mới	5.000	10	10			BQLDA Q8	
18	Trường Tiểu học Nguyễn Trực	P1	Cải tạo, xây mới	5.000	10	10			BQLDA Q8	
19	Trường Tiểu học Hưng Phú	P9	Cải tạo, xây mới	4.500	10	10			BQLDA Q8	
20	Trường THCS Khánh Bình	P3	Cải tạo, mở rộng	5.000	10	10			BQLDA Q8	
21	Trường THCS Trần Danh Ninh	P8	Sửa chữa lớn	4.000	10	10			BQLDA Q8	
<b>b</b>	<b>Khối văn hóa thể thao</b>			<b>11.062</b>	<b>40</b>	<b>40</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Phủ nhựa đường chạy Sân vận động quận 8	P.5	Xây dựng mới	4.862	10	10			BQLDA Q8	
2	Nhà Thiếu nhi quận 8 (giai đoạn 2)	P5		2.200	10	10			BQLDA Q8	
3	Nhà Văn hóa phường 16	P16	XD mới 1 trệt 1 lầu	2.500	10	10			BQLDA Q8	
4	Nhà Văn hóa phường 8	P8	Xây dựng mới	1.500	10	10			BQLDA Q8	
<b>c</b>	<b>Khối y tế</b>			<b>6.397</b>	<b>60</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Trạm Y tế phường 4	P4	Xây dựng mới	850	10	10			BQLDA Q8	
2	Trạm Y tế phường 7	P7	Xây dựng mới	700	10	10			BQLDA Q8	
3	SC Nhà Bảo sanh và Khoa dược TTYT Q8	P4	Sửa chữa	1.500	10	10			BQLDA Q8	
4	Trạm Y tế phường 9	P9	Xây dựng mới	1.000	10	10			BQLDA Q8	
5	Trạm Y tế phường 5	P5	Xây dựng mới	1.897	10	10			BQLDA Q8	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2006				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS Quận		
6	Trạm Y tế phường 16	P16	Xây dựng mới	450	10	10			BQLDA Q8	-
<b>d</b>	<b>Khối giao thông</b>			<b>20.245</b>	<b>120</b>	<b>30</b>	<b>0</b>	<b>90</b>		
1	Hệ thống thoát nước hẻm 1/16A đường Phạm Hùng	P4	Nâng cấp	300	10			10	BQLDA Q8	
	Hẻm 2385 đường Phạm Thế Hiển	P6	Nâng cấp	1.365	10	10			BQLDA Q8	
3	Hẻm 103 đường Bến Phú Định	P16	Nâng cấp	375	10			10	BQLDA Q8	
4	Hẻm 28 An Dương Vương	P16	Nâng cấp	800	10			10	BQLDA Q8	
5	Đường xung quanh Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	P5	Xây dựng mới	6.900	10	10			BQLDA Q8	
6	Đường vào Ủy ban nhân dân phường 6	P6	Xây dựng mới	7.000	10	10			BQLDA Q8	
7	Đường Đinh Hòa	P11	Nâng cấp lề đường	995	10			10	BQLDA Q8	
8	Đường Phong Phú	P12	Nâng cấp lề đường	1.200	10			10	BQLDA Q8	
9	Đường Càn Giuộc	P12	Nâng cấp lề đường	480	10			10	BQLDA Q8	
10	Đường Võ Trứ	P9	Nâng cấp lề đường	500	10			10	BQLDA Q8	
11	Hệ thống thoát nước đường Huỳnh Thị Phụng	P4	Làm hệ thống thoát nước	330	10			10	BQLDA Q8	
12	Hệ thống thoát nước đường Tạ Quang Bửu	P4	Làm hệ thống thoát nước		10			10	BQLDA Q8	
<b>e</b>	<b>Khối khác</b>			<b>27.188</b>	<b>70</b>	<b>60</b>	<b>0</b>	<b>10</b>		
1	Xây dựng trụ sở Phòng Quản lý đô thị và Phòng Tài nguyên Môi trường	P5	Xây dựng mới	4.975	10	10			BQLDA Q8	
2	Xây dựng trụ sở Ban Bồi thường giải phóng mặt bằng quận 8	P5	Xây dựng mới	3.710	10	10			BQLDA Q8	
3	XD mở rộng Đài Liệt sĩ phường 7	P7	Xây dựng, mở rộng	4.998	10	10			Cty DVCIQ8	
4	SC Phường đội phường 9	P9	Tổng diện tích sàn XD: 199,32m <sup>2</sup> , 1 trệt 2 lầu	705	10			10	BQLDA Q8	
5	Khối trụ sở đoàn thể quận 8 (hạng mục bồi thường, san lấp và tường rào)	P5		5.000	10	10			BQLDA Q8	

STT	DANH MỤC CÔNG TRÌNH	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Tổng vốn đầu tư	Kế hoạch 2006				Phân công chủ đầu tư	Ghi chú
					Tổng số	NSTP phân cấp	Huy động dân	Vốn NS Quận		
6	Kho Công sản quận 8		Xây dựng mới	800	10	10			BQLDA Q8	
7	Xây dựng Khu hành chính phường 6 (hạng mục bồi thường, san lấp và tường rào)	P6		7.000	10	10			BQLDA Q8	
<b>f</b>	<b>Khối phường</b>			<b>41.678</b>	<b>110</b>	<b>110</b>	<b>0</b>	<b>0</b>		
1	Trụ sở UBND phường 15	P15	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.500	10	10			BQLDA Q8	
2	Trụ sở UBND phường 1	P1	XD mới 1 trệt 2 lầu	2.900	10	10			BQLDA Q8	
3	Trụ sở UBND phường 4	P4	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.600	10	10			BQLDA Q8	
4	Trụ sở UBND phường 6	P6	XD mới 1 trệt 2 lầu	5.650	10	10			BQLDA Q8	
5	Trụ sở UBND phường 7	P7	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.680	10	10			BQLDA Q8	
6	Trụ sở UBND phường 3	P3	XD mới 1 trệt 2 lầu	4.000	10	10			BQLDA Q8	
7	Trụ sở UBND phường 5	P5	XD mới 1 trệt 2 lầu	4.000	10	10			BQLDA Q8	
8	Trụ sở UBND phường 8	P8	XD mới 1 trệt 2 lầu	4.000	10	10			BQLDA Q8	
9	Trụ sở UBND phường 11	P11	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.000	10	10			BQLDA Q8	
10	Trụ sở UBND phường 13	P13	XD mới 1 trệt 2 lầu	3.000	10	10			BQLDA Q8	
11	Trụ sở UBND phường 14	P14	XD mới 1 trệt 2 lầu	4.348	10	10			BQLDA Q8	

---

---

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [t tcb@tphcm.gov.vn](mailto:t tcb@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt – Bộ Quốc phòng

**Giá: 5.000 đồng**